

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN HÀ ĐÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28 /UBND-NV

Hà Đông, ngày 07 tháng 01 năm 2019

V/v kết quả thi thăng hạng giáo viên
từ hạng II lên hạng I năm 2018 và
hoàn thiện hồ sơ bổ nhiệm CDNN.

Kính gửi: Hiệu trưởng các trường THCS công lập.

Thực hiện Công văn số 18/SNV-CCVC ngày 03/01/2019 của Sở Nội vụ thành phố Hà Nội về việc kết quả thi thăng hạng giáo viên từ hạng II lên hạng I năm 2018 và hoàn thiện hồ sơ bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, UBND quận Hà Đông yêu cầu Hiệu trưởng các trường THCS công lập có viên chức dự thi:

1. Thông báo nội dung các văn bản dưới đây (gửi kèm văn bản này) để viên chức biết và thực hiện các công việc liên quan:

- Quyết định số 5150/QĐ-BGDĐT ngày 29/11/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận kết quả kỳ thi thăng hạng CDNN giáo viên từ hạng II lên hạng I năm 2018.

- Công văn số 5448/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 30/11/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận kết quả kỳ thi thăng hạng CDNN giáo viên từ hạng II lên hạng I năm 2018.

2. Báo cáo những thay đổi trích ngang của giáo viên (nếu có).

3. Hướng dẫn giáo viên hoàn thiện hồ sơ, bao gồm:

- Văn bản có xác nhận của Hiệu trưởng nhà trường:

+ Bản kê khai diễn biến tiền lương kể từ thời điểm được ký hợp đồng lao động có đóng bảo hiểm xã hội (nếu có) hoặc kể từ thời điểm được tuyển dụng đến nay;

+ Diễn biến quá trình đóng bảo hiểm xã hội chót đến ngày 31/12/2018 (kể toán của đơn vị trích xuất từ cơ sở dữ liệu Phần mềm kê khai bảo hiểm xã hội vBHXH - Phiên bản Hà Nội);

- Bản sao chứng thực Quyết định nâng lương gần nhất.

4. Nộp hồ sơ, tài liệu liên quan về UBND quận Hà Đông (qua phòng Nội vụ tổng hợp) **trước ngày 10/01/2019** để nộp Sở Nội vụ thẩm định, tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố ban hành Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp.

Yêu cầu Hiệu trưởng các trường THCS công lập khẩn trương thực hiện./. Ng

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT UBND quận;
- Lưu: VT

3

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Thị Hòa

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA - XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 5448/BGDĐT-NGCBQLGD

Về việc công nhận kết quả kỳ thi thăng hạng CDNN
giáo viên từ hạng II lên hạng I năm 2018

Hà Nội, ngày 20 tháng 1 năm 2018

VĂN PHÒNG UBND TP. HÀ NỘI

Số: 10869

ĐẾN Ngày: 25-12

Chuyên: Ly

Lưu hồ sơ số:

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh/TP trực thuộc Trung ương

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 89/KH-BGDĐT ngày 6/3/2018 về việc tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên từ hạng II lên hạng I năm 2018; trên cơ sở kết quả tổ chức kỳ thi của Hội đồng thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên từ hạng II lên hạng I năm 2018, ngày 1/12/2018, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có Quyết định số 5150/QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2018 về việc công nhận kết quả thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên từ hạng II lên hạng I năm 2018.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị UBND các tỉnh/TP như sau:

1. Căn cứ Quyết định công nhận kết quả kỳ thi của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các tỉnh/TP trực thuộc Trung ương bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp hạng I đối với giáo viên đạt kết quả kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên từ hạng II lên hạng I năm 2018.

2. Đối với những giáo viên đạt kết quả kỳ thi năm 2018 và đã có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng I, khi thực hiện việc bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng I không yêu cầu giáo viên đồng thời phải có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II.

3. Đối với những giáo viên đạt kết quả kỳ thi năm 2018 nhưng chưa có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng I, việc bổ nhiệm thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 20/2017/TT-BGDĐT ngày 18/8/2017 quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập.

Trong quá trình triển khai thực hiện có khó khăn, vướng mắc liên hệ về Bộ Giáo dục và Đào tạo qua Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục, số 35 Đại Cồ Việt, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội; bà Nguyễn Thị Hương, CVC phòng Chính sách NGCB, Điện thoại: 043.8695144-máy lẻ 146/0939.412888, email: nguyenhuong@moet.gov.vn.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Hữu Độ (để b/c);
- Lưu VT, Cục NGCBQLGD.

TL. BỘ TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG CỤC NHÀ GIÁO
VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ GIÁO DỤC



Hoàng Đức Minh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số: 5450/QĐ-BGDĐT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2018

TRẦN PHONG UBND TP. HÀ NỘI

Số: 10870

ĐẾN Ngày: 26-12

Chuyên: 17

Lưu hồ sơ số:

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận kết quả thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên từ hạng II lên hạng I năm 2018

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên từ hạng II lên hạng I năm 2018 do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên từ hạng II lên hạng I năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm công bố công khai và thông báo kết quả thi tới các đơn vị có người tham gia thi và cá nhân dự thi biết.

Điều 3. Thời hạn bổ nhiệm và hưởng chế độ theo chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng I đối với người đạt kết quả được tính từ ngày 01/11/2018.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và các ông (bà) có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Nội vụ (để biết);
- Công thông tin điện tử Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, NGCBQLGD.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG



Nguyễn Hữu Độ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2018

KẾT CẢM THỊ THANG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TỬ HẠNG II LÊN HẠNG I NĂM 2018
(Kể theo Quyết định số 5150/QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Số BD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị công tác	Điểm thi				Kết quả		Ghi chú
							Kiểm thức chung	Tin học	Ngoại ngữ	Chuyên môn nghiệp vụ	Đạt	Không đạt	
1	THCS001	Ngô Thị Thủy	Anh	Nữ	05.11.1970	Trường THCS ái Mộ, quận Long Biên, Hà Nội	56	52.5	V	V		Không đạt	
2	THCS002	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	09.01.1973	Trường THCS Huy Văn, quận Đống Đa, Hà Nội	57	57.5	92	70	Đạt		
3	THCS003	Nguyễn Ngọc	Anh	Nữ	01.08.1976	Trường THCS Tô Hoàng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	67	65	88	72.5	Đạt		
4	THCS004	Trần Quỳnh	Anh	Nữ	22.12.1976	Trường THCS Ngô Sĩ Liên, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	60	Miễn thi	96	77.5	Đạt		
5	THCS005	Nguyễn Thị Nguyệt	Anh	Nữ	08.01.1972	Trường THCS Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Hà Nội	78	65	78	62.5	Đạt		
6	THCS006	Đinh Thị Lan	Anh	Nữ	10.11.1976	Trường THCS Phùng Hưng, thị xã Sơn Tây, Hà Nội	56	60	26	77.5		Không đạt	
7	THCS007	Dương Ngọc	Anh	Nam	26.09.1978	Trường THCS Tam Thuận, huyện Phúc Thọ, Hà Nội	56	Miễn thi	94	72.5	Đạt		
8	THCS008	Lê Thị Lan	Anh	Nữ	10.10.1973	Trường THCS Việt Nam-Angiéri, quận Thanh Xuân, Hà Nội	V	V	V	V		Không đạt	Bỏ thi
9	THCS009	Nguyễn Quang	Anh	Nam	17.05.1980	Trường THCS Cổ Loa, huyện Đông Anh, Hà Nội	56	70	94	79.5	Đạt		
10	THCS010	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	16.03.1975	Trường THCS Tiên Dược, huyện Sóc Sơn, Hà Nội	V	V	V	V		Không đạt	Bỏ thi
11	THCS011	Nguyễn Thị	Ánh	Nữ	01.07.1981	Trường THCS Liên Mạc A, huyện Mê Linh, Hà Nội	56	62.5	24	85		Không đạt	
12	THCS012	Lê Thị	Áu	Nữ	01.12.1969	Trường THCS Phương Tú, huyện ứng Hòa, Hà Nội	59	55	96	81	Đạt		
13	THCS013	Nguyễn Thị Quý	Ba	Nữ	24.09.1971	Trường THCS Phùng Hưng, thị xã Sơn Tây, Hà Nội	68	67.5	96	76.5	Đạt		
14	THCS014	Đinh Quý	Ban	Nam	18.05.1977	Trường THCS Tuy Lai, huyện Mỹ Đức, Hà Nội	55	Miễn thi	98	85	Đạt		

STT	Số BD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị công tác	Điểm thi				Kết quả		Ghi chú
						Kiểm thức chung	Tin học	Ngoại ngữ	Chuyên môn nghiệp vụ	Đạt	Không đạt	
15	THCS015	Nguyễn Văn	Nam	06.01.1976	Trường THCS Lê Thanh, huyện Mỹ Đức, Hà Nội	57	85	98	81.5	Đạt		
16	THCS016	Nguyễn Thị	Nữ	26.03.1976	Trường THCS Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội	82	77.5	98	55	Đạt		
17	THCS017	Nguyễn Thị	Nữ	22.03.1979	Trường THCS Ngọc Lâm, quận Long Biên, Hà Nội	56	62.5	98	62.5	Đạt		
18	THCS018	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	25.04.1979	Trường THCS Khương Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội	58	75	78	67.5	Đạt		
19	THCS019	Lê Văn	Nam	13.05.1974	Trường THCS Hòa Phú, huyện ứng Hòa, Hà Nội	60	55	62	60	Đạt		
20	THCS020	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	16.06.1972	Trường THCS Trung Vương, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	74	62.5	94	65	Đạt		
21	THCS021	Hà Thị	Nữ	09.07.1975	Trường THCS Tích Giang, huyện Phúc Thọ, Hà Nội	55	62.5	94	60	Đạt		
22	THCS022	Dương Thị Thanh	Nữ	28.01.1973	Trường THCS Nguyễn Trãi A, huyện Thường Tín, Hà Nội	60	Miễn thi	64	80	Đạt		
23	THCS023	Khuất Thị Ngọc	Nữ	16.03.1976	Trường THCS Trạch Mỹ Lộc, huyện Phúc Thọ, Hà Nội	55	55	64	70	Đạt		
24	THCS024	Ngô Thị	Nữ	01.06.1969	Trường THCS Chu Văn An, huyện Thanh Trì, Hà Nội	55	35	V	V		Không đạt	
25	THCS025	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	24.10.1975	Trường THCS Chu Văn An, huyện Thanh Trì, Hà Nội	55	77.5	66	60	Đạt		
26	THCS026	Đỗ Xuân	Nam	17.07.1976	Trường THCS Thanh Lâm B, huyện Mê Linh, Hà Nội	62	70	72	55	Đạt		
27	THCS027	Nguyễn Thị Hồng	Nữ	20.06.1974	Trường THCS Nam Phong, huyện Phú Xuyên, Hà Nội	57	Miễn thi	56	70	Đạt		
28	THCS028	Lê Hoàn	Nữ	10.12.1976	Trường THCS Nguyễn Trãi, quận Ba Đình, Hà Nội	55	82.5	72	80	Đạt		
29	THCS029	Phạm Hà	Nữ	15.05.1966	Trường THCS Thực nghiệm - Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam	58	75	Miễn thi	65	Đạt		
30	THCS030	Nguyễn Thị Kim	Nữ	28.06.1965	Trường THCS Nguyễn Du, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	55	62.5	Miễn thi	75	Đạt		
31	THCS031	Ngô Thị Thu	Nữ	20.07.1967	Trường THCS Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	V	V	V	V		Không đạt	Bỏ thi
32	THCS032	Nguyễn Anh	Nam	26.10.1975	Trường THCS Hợp Thanh, huyện Mỹ Đức, Hà Nội	V	V	V	V		Không đạt	Bỏ thi
33	THCS033	Lê Thị	Nữ	29.04.1975	Trường THCS Tông Bạt, Ba Vì, Hà Nội	56	70	64	69	Đạt		

STT	Số BD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị công tác	Điểm thi				Kết quả		Ghi chú.
							Kiểm thức chung	Tin học	Ngoại ngữ	Chuyên môn nghiệp vụ	Đạt	Không đạt	
34	THCS034	Hoàng Thị	Chuyên	Nữ	11.02.1975	Trường THCS Đồng Dư, huyện Gia Lâm, Hà Nội	75	52.5	V	V		Không đạt	
35	THCS035	Hoàng Thị Kim	Cúc	Nữ	11.05.1977	Trường THCS Thọ Lộc, huyện Phúc Thọ, Hà Nội	61	55	66	74	Đạt		
36	THCS036	Hoa Nam	Cương	Nam	15.07.1979	Trường THCS Tiến Dược, huyện Sóc Sơn, Hà Nội	59	80	54	65		Không đạt	
37	THCS037	Đỗ Thị	Di	Nữ	09.01.1969	Trường THCS Ngã Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội	79	30	Miễn thi	81.5		Không đạt	
38	THCS038	Lê Lê	Diễm	Nữ	06.10.1967	Trường THCS Đa Tốn, huyện Gia Lâm, Hà Nội	55	32.5	Miễn thi	V		Không đạt	
39	THCS039	Hoàng Thị	Diện	Nữ	27.10.1974	Trường THCS Hòa Phú, huyện ứng Hòa, Hà Nội	74	52.5	V	V		Không đạt	
40	THCS040	Bùi Thị	Diện	Nữ	24.10.1976	Trường THCS Phương Tú, huyện ứng Hòa, Hà Nội	78	42.5	V	V		Không đạt	
41	THCS041	Nguyễn Thị	Diệp	Nữ	24.10.1978	Trường THCS Tô Hiến Thành, huyện Đan Phượng, Hà Nội	58	55	66	90	Đạt		
42	THCS042	Phan Thái	Dung	Nữ	17.03.1965	Trường THCS Thăng Long, quận Ba Đình, Hà Nội	55	Miễn thi	Miễn thi	82.5	Đạt		
43	THCS043	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	07.01.1979	Trường THCS Thọ Lộc, huyện Phúc Thọ, Hà Nội	62	47.5	V	V		Không đạt	
44	THCS044	Nguyễn Minh	Dung	Nam	25.01.1979	Trường THCS Kim Hoa, huyện Mê Linh, Hà Nội	70	70	64	65	Đạt		
45	THCS045	Mai Anh	Dũng	Nam	25.06.1980	Trường THCS Ngô Quyền, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	85	40	V	V		Không đạt	
46	THCS046	Bùi Thiên	Dương	Nữ	06.08.1983	Trường THCS Quỳnh Mai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	91	75	Miễn thi	80	Đạt		
47	THCS047	Nguyễn Thị Hoàng	Dương	Nữ	24.09.1972	Trường THCS Trung Vương, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	85	57.5	68	75	Đạt		
48	THCS048	Ngô Thị Hồng	Dương	Nữ	01.10.1975	Trường THCS Kim Hoa, huyện Mê Linh, Hà Nội	83	40	V	V		Không đạt	
49	THCS049	Trần Xuân	Dương	Nam	25.06.1975	Trường THCS Chu Văn An, huyện Thanh Trì, Hà Nội	71	Miễn thi	70	75.5	Đạt		
50	THCS050	Nguyễn Thị Anh	Đào	Nữ	19.09.1969	Trường THCS Thăng Long, quận Ba Đình, Hà Nội	65	37.5	V	V		Không đạt	
51	THCS051	Vũ Thị Bích	Đào	Nữ	28.07.1975	Trường THCS Dương Nội, quận Hà Đông, Hà Nội	69	27.5	V	V		Không đạt	
52	THCS052	Nguyễn Thị Anh	Đào	Nữ	04.09.1972	Trường THCS Dũng Tiến, huyện Thường Tín, Hà Nội	70	45	V	V		Không đạt	

STT	Số BD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị công tác	Điểm thi				Kết quả		Ghi chú
						Kiểm thức chung	Tin học	Ngoại ngữ	Chuyên môn nghiệp vụ	Đạt	Không đạt	
53	THCS053	Kiều Tiến	Nam	20.09.1977	Trường THCS Kim Hoa, huyện Mê Linh, Hà Nội	55	Miễn thi	68	81	Đạt		
54	THCS054	Trần Quốc Đạt	Nam	07.06.1981	Trường THCS Mê Linh, huyện Mê Linh, Hà Nội	55	Miễn thi	50	85.5		Không đạt	
55	THCS055	Trần Văn Đạt	Nam	06.07.1977	Trường THCS Bắc Phú, huyện Sóc Sơn, Hà Nội	V	V	V	V		Không đạt	Bỏ thi
56	THCS056	Nguyễn Thị Diễm	Nữ	04.01.1973	Trường THCS Quỳnh Mai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	57	60	56	83	Đạt		
57	THCS057	Nguyễn Hữu Diệp	Nam	30.12.1975	Trường THCS Bội Xuyên, huyện Mỹ Đức, Hà Nội	74	67.5	92	69	Đạt		
58	THCS058	Vũ Quang Đoàn	Nam	18.10.1968	Trường THCS Phú Thị, huyện Gia Lâm, Hà Nội	77	Miễn thi	56	81.5	Đạt		
59	THCS059	Lê Quý Đông	Nam	10.09.1970	Trường THCS Nguyễn Thượng Hiền, huyện Ứng Hòa, Hà Nội	55	42.5	V	V		Không đạt	
60	THCS060	Ngô Thị Đông	Nữ	20.11.1968	Trường THCS Sơn Đông, thị xã Sơn Tây, Hà Nội							Bỏ thi
61	THCS061	Ngô Hồng Giang	Nữ	09.09.1970	Trường THCS Thượng Thanh, quận Long Biên, Hà Nội							
62	THCS062	Lê Hồng Giang	Nam	06.04.1970	Trường THCS Kim Sơn, huyện Gia Lâm, Hà Nội	61	Miễn thi	54	75		Không đạt	
63	THCS063	Nguyễn Thị Trà Giang	Nữ	15.06.1981	Trường THCS Lê Quý Đôn Hà Đông, Hà Nội	60	52.5	V	V		Không đạt	
64	THCS064	Lê Thị Hương Giang	Nữ	23.11.1975	Trường THCS Nguyễn Trãi A, huyện Thường Tín, Hà Nội	55	Miễn thi	50	80		Không đạt	
65	THCS065	Nguyễn Thùy Giang	Nữ	08.09.1981	Trường THCS Cổ Loa, huyện Đông Anh, Hà Nội	58	77.5	76	70	Đạt		
66	THCS066	Nguyễn Hương Giang	Nữ	23.12.1973	Trường THCS Nguyễn Huy Tưởng, huyện Đông Anh, Hà Nội	55	60	52	85		Không đạt	
67	THCS067	Nguyễn Thị Hương Giang	Nữ	25.02.1983	Trường THCS Tây Tựu, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	77	62.5	88	83	Đạt		
68	THCS068	Cao Quỳnh Giao	Nữ	08.12.1968	Trường THCS Ngô Gia Tự, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	70	75	Miễn thi	70	Đạt		
69	THCS069	Trịnh Thủy Giao	Nữ	21.01.1973	Trường THCS Chu Văn An, Tây Hồ, Hà Nội	61	Miễn thi	48	78		Không đạt	
70	THCS070	Hoàng Thị Thu Hà	Nữ	19.04.1971	Trường THCS Thăng Long, quận Ba Đình, Hà Nội	58	57.5	88	78	Đạt		
71	THCS071	Nguyễn Thị Diệu Hà	Nữ	17.12.1973	Trường THCS Ngọc Lâm, quận Long Biên, Hà Nội	56	82.5	50	73		Không đạt	

STT	Số BD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị công tác	Điểm thi				Kết quả		Ghi chú
						Kiểm thức chung	Tin học	Ngoại ngữ	Chuyên môn nghiệp vụ	Đạt	Không đạt	
72	THCS072	Nguyễn Thị Thu	Nữ	26.11.1972	Trường THCS Lý Thường Kiệt, quận Đống Đa, Hà Nội	60	72.5	88	60	Đạt		
73	THCS073	Nguyễn Thị Thu	Nữ	27.10.1968	Trường THCS Trung Nhi, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	55	57.5	Miễn thi	80	Đạt		
74	THCS074	Nguyễn Thị Vân	Nữ	27.06.1976	Trường THCS Song Phương, huyện Hoài Đức, Hà Nội	55	87.5	58	85	Đạt		
75	THCS075	Lê Thị	Nữ	22.05.1977	Trường THCS Tế Tiểu, huyện Mỹ Đức, Hà Nội	65	45	38	70		Không đạt	
76	THCS076	Nguyễn Thị Thu	Nữ	28.05.1969	Trường THCS Cổ Bi, huyện Gia Lâm, Hà Nội	55	55	Miễn thi	75	Đạt		
77	THCS077	Nguyễn Thu	Nữ	12.05.1979	Trường THCS Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội	69	62.5	92	55	Đạt		
78	THCS078	Tạ Thúy	Nữ	07.09.1975	Trường THCS Đông Du, huyện Gia Lâm, Hà Nội	62	Miễn thi	42	65		Không đạt	
79	THCS079	Chu Phan Hải	Nữ	01.12.1967	Trường THCS Quảng An, Tây Hồ, Hà Nội	63	40	Miễn thi	V		Không đạt	
80	THCS080	Đỗ Thu	Nữ	02.12.1970	Trường THCS Yên Sở, quận Hoàng Mai, Hà Nội	65	50	Miễn thi	75		Không đạt	
81	THCS081	Trần Phương	Nữ	27.11.1982	Trường THCS Mậu Lương, quận Hà Đông, Hà Nội	62	Miễn thi	50	50		Không đạt	
82	THCS082	Trần Thị Lệ	Nữ	05.09.1975	Trường THCS Phú La, quận Hà Đông, Hà Nội	65	52.5	36	75		Không đạt	
83	THCS083	Lê Thúy	Nữ	30.12.1978	Trường THCS Ngô Quyền, thị xã Sơn Tây, Hà Nội	56	35	V	V		Không đạt	
84	THCS084	Phạm Thị	Nữ	17.05.1977	Trường THCS Đông Sơn, huyện Chương Mỹ, Hà Nội	64	32.5	V	V		Không đạt	
85	THCS085	Hoàng Thị Việt	Nữ	21.11.1975	Trường THCS Dũng Tiến, huyện Thường Tín, Hà Nội	65	57.5	74	70	Đạt		
86	THCS086	Đỗ Văn	Nam	01.06.1970	Trường THCS Khánh Hà, huyện Thường Tín, Hà Nội	69	Miễn thi	42	65		Không đạt	
87	THCS087	Vũ Thị Thủy	Nữ	26.10.1974	Trường THCS Thư Phú, huyện Thường Tín, Hà Nội	59	32.5	74	80		Không đạt	
88	THCS088	Kiều Thanh	Nam	11.11.1979	Trường THCS Trung Vương, huyện Mê Linh, Hà Nội	55	Miễn thi	40	75		Không đạt	
89	THCS089	Đặng Thị Thanh	Nữ	15.10.1970	Trường THCS Phan Đình Giót, quận Thanh Xuân, Hà Nội	60	Miễn thi	92	70	Đạt		
90	THCS090	Hoàng Thị Thanh	Nữ	06.11.1979	Trường THCS Văn Hà, huyện Đông Anh, Hà Nội	58	47.5	V	V		Không đạt	

STT	Số BD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị công tác	Điểm thi				Kết quả		Ghi chú
						Kiểm thực chung	Tin học	Ngoại ngữ	Chuyên môn nghiệp vụ	Đạt	Không đạt	
91	THCS091	Nguyễn Thị Thu	Nữ	25.08.1972	Trường THCS Nguyễn Huy Tưởng, huyện Đông Anh, Hà Nội	65	67.5	Miễn thi	72.5	Đạt	Không đạt	
92	THCS092	Cao Thanh	Nam	13.04.1968	Trường THCS Mỹ Lương, huyện Chương Mỹ, Hà Nội	61	37.5	V	V		Không đạt	
93	THCS093	Đoàn Vũ	Nam	30.08.1972	Trường THCS Hòa Phú, huyện Ứng Hòa, Hà Nội	61	65	26	72.5		Không đạt	
94	THCS094	Dương Thị	Nữ	01.01.1972	Trường THCS Đặng Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội	70	72.5	38	65		Không đạt	
95	THCS095	Phùng Thị Thu	Nữ	10.01.1976	Trường THCS Tông Bạt, Ba Vì, Hà Nội	74	45	42	72.5		Không đạt	
96	THCS096	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	07.03.1976	Trường THCS Thọ Lộc, huyện Phúc Thọ, Hà Nội	59	27.5	50	60		Không đạt	
97	THCS097	Đỗ Thị Thanh	Nữ	06.11.1975	Trường THCS Dũng Tiến, huyện Thường Tín, Hà Nội	62	25	58	80		Không đạt	
98	THCS098	Nguyễn Thị	Nữ	22.03.1970	Trường THCS Hoàng Kim, huyện Mê Linh, Hà Nội	65	22.5	V	V		Không đạt	
99	THCS099	Đào Thị Hồng	Nữ	15.02.1981	Trường THCS Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội	61	42.5	V	V		Không đạt	
100	THCS100	Ngô Ich	Nam	22.07.1968	Trường THCS Nguyễn Huy Tưởng, huyện Đông Anh, Hà Nội	60	37.5	V	V		Không đạt	
101	THCS101	Ngô Thị Thu	Nữ	09.06.1976	Trường THCS Mai Lâm, huyện Đông Anh, Hà Nội	58	Miễn thi	94	77.5	Đạt		
102	THCS102	Lê Thị Bằng	Nữ	03.11.1974	Trường THCS Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội	64	40	V	V		Không đạt	
103	THCS103	Trần Thị	Nữ	02.02.1966	Trường THCS Nguyễn Du, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	65	45	Miễn thi	V		Không đạt	
104	THCS104	Nguyễn Thế	Nam	01.10.1975	Trường THCS Lê Quý Đôn, quận Hà Đông, Hà Nội	55	50	94	89		Không đạt	
105	THCS105	Dương Thị Phương	Nữ	24.04.1980	Trường THCS Liên Hà, huyện Đông Anh, Hà Nội	58	Miễn thi	44	81		Không đạt	
106	THCS106	Nguyễn Thị	Nữ	19.06.1968	Trường THCS Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội	66	47.5	Miễn thi	V		Không đạt	
107	THCS107	Nguyễn Thị Bích	Nữ	04.12.1975	Trường THCS Ai Mỗ, quận Long Biên, Hà Nội	60	55	32	80		Không đạt	
108	THCS108	Khúc Thị Mỹ	Nữ	20.04.1973	Trường THCS Thạch Bàn, quận Long Biên, Hà Nội	55	Miễn thi	94	84.5	Đạt		
109	THCS109	Nguyễn Thị Hồng	Nữ	12.01.1981	Trường THCS Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội	60	Miễn thi	Miễn thi	73.5	Đạt		

STT	Số BD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị công tác	Điểm thi				Kết quả		Ghi chú
						Kiến thức chung	Tin học	Ngoại ngữ	Chuyên môn nghiệp vụ	Đạt	Không đạt	
110	THCS110	Nguyễn Hồng	Nữ	25.09.1968	Trường THCS Đồng Đa, quận Đống Đa, Hà Nội	55	20	Miễn thi	77.5		Không đạt	
111	THCS111	Phan Thị Thục	Nữ	12.01.1971	Trường THCS Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội	55	55	64	90	Đạt		
112	THCS112	Lê Thị	Nữ	26.06.1967	Trường THCS Nguyễn Thượng Hiền, huyện Ứng Hòa, Hà Nội	61	40	Miễn thi	83		Không đạt	
113	THCS113	Trịnh Thị Hồng	Nữ	28.05.1974	Trường THCS Nghiêm Xuyên, huyện Thường Tín, Hà Nội	63	55	66	57.5	Đạt		
114	THCS114	Phạm Thị Bích	Nữ	28.08.1973	Trường THCS Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, Hà Nội	65	65	94	80	Đạt		
115	THCS115	Nguyễn Thị Mỹ	Nữ	12.08.1968	Trường THCS Tiên Dược, huyện Sóc Sơn, Hà Nội	58	85	Miễn thi	67.5	Đạt		
116	THCS116	Lê Thị Mỹ	Nữ	04.04.1975	Trường THCS Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	69	Miễn thi	78	82.5	Đạt		
117	THCS117	Nguyễn Thị Thu	Nữ	29.08.1975	Trường THCS Ngọc Lâm, quận Long Biên, Hà Nội	69	67	92	70	Đạt		
118	THCS118	Trương Thị Mai	Nữ	29.10.1977	Trường THCS Sài Đồng, quận Long Biên, Hà Nội	70	72	96	70	Đạt		
119	THCS119	Nguyễn Thị Thúy	Nữ	10.12.1984	Trường THCS Thịnh Quang, quận Đống Đa, Hà Nội	68	82	92	77.5	Đạt		
120	THCS120	Đàm Thị Thúy	Nữ	04.03.1974	Trường THCS Quỳnh Mai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	60	72	86	60	Đạt		
121	THCS121	Đoàn Lệ	Nữ	21.08.1967	Trường THCS TT Yên Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội	60	35	Miễn thi	V		Không đạt	
122	THCS122	Trịnh Diệu	Nữ	31.07.1982	Trường THCS Chu Văn An, Tây Hồ, Hà Nội	67	90	Miễn thi	90	Đạt		
123	THCS123	Nguyễn Đức Thị	Nữ	24.09.1976	Trường THCS Hoàn Kiếm, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	64	90	86	65	Đạt		
124	THCS124	Nghiêm Thị	Nữ	04.12.1977	Trường THCS Ngô Sĩ Liên, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	64	Miễn thi	86	75	Đạt		
125	THCS125	Nguyễn Thị Thu	Nữ	20.11.1971	Trường THCS Nguyễn Du, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	68	77.5	96	75	Đạt		
126	THCS126	Phùng Thanh	Nữ	15.05.1972	Trường THCS Nguyễn Du, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	V	V	V	V		Không đạt	Bỏ thi
127	THCS127	Đỗ Diệu	Nữ	24.10.1975	Trường THCS Trần Đăng Ninh, quận Hà Đông, Hà Nội	65	65	94	85	Đạt		
128	THCS128	Hoàng Thị Bích	Nữ	01.03.1978	Trường THCS Ngô Quyền, thị xã Sơn Tây, Hà Nội	67	Miễn thi	80	85	Đạt		

STT	Số BD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị công tác	Điểm thi				Kết quả		Ghi chú
						Kiểm thức chung	Tin học	Ngoại ngữ	Chuyên môn nghiệp vụ	Đạt	Không đạt	
129	THCS129	Trần Thị Hằng	Nữ	15.10.1978	Trường THCS Đồng Quang, huyện Quốc Oai, Hà Nội	51	75	Miễn thi	70		Không đạt	
130	THCS130	Dương Thị Thu Hằng	Nữ	13.08.1973	Trường THCS Tiên Phong, huyện Thường Tín, Hà Nội	55	67.5	84	80	Đạt		
131	THCS131	Nguyễn Thị Thu Hằng	Nữ	15.10.1976	Trường THCS Nam Từ Liêm, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	65	50	Miễn thi	75		Không đạt	
132	THCS132	Nguyễn Thị Thủy Hằng	Nữ	10.08.1978	Trường THCS Liên Mạc, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	60	Miễn thi	96	90	Đạt		
133	THCS133	Vũ Thu Hằng	Nữ	21.09.1983	Trường THCS Nguyễn Quý Đức - Nam Từ Liêm, Hà Nội	58	Miễn thi	Miễn thi	55	Đạt		
134	THCS134	Nguyễn Trung Hậu	Nữ	17.09.1968	Trường THCS Nguyễn Phong Sắc, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	V	V	V	V		Không đạt	Bỏ thi
135	THCS135	Vũ Thị Thu Hiền	Nữ	11.11.1984	Trường THCS Tô Hoàng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	63	72.5	96	55	Đạt		
136	THCS136	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	18.09.1977	Trường THCS Thăng Long, quận Ba Đình, Hà Nội	48	27.5	V	V		Không đạt	
137	THCS137	Lê Thị Thu Hiền	Nữ	24.04.1972	Trường THCS Nguyễn Trãi, quận Ba Đình, Hà Nội	55	57.5	18	55		Không đạt	
138	THCS138	Nguyễn Thị Thanh Hiền	Nữ	17.06.1967	Trường THCS Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội	69	17.5	Miễn thi	V		Không đạt	
139	THCS139	Mai Thu Hiền	Nữ	23.04.1971	Trường THCS Quỳnh Mai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	55	55	Miễn thi	55	Đạt		
140	THCS140	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	07.07.1972	Trường THCS Tích Giang, huyện Phúc Thọ, Hà Nội	60	82.5	64	80	Đạt		
141	THCS141	Phạm Thị Hiền	Nữ	24.12.1978	Trường THCS Vạn Điểm, huyện Thường Tín, Hà Nội	68	Miễn thi	84	65	Đạt		
142	THCS142	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	30.09.1975	Trường THCS Nguyễn Huy Tưởng, huyện Đông Anh, Hà Nội	64	67.5	84	60	Đạt		
143	THCS143	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	26.09.1980	Trường THCS Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	82	75	58	55	Đạt		
144	THCS144	Trần Trung Hiếu	Nam	02.09.1975	Trường THCS Trung Châu, huyện Đan Phượng, Hà Nội	70	85	86	75	Đạt		
145	THCS145	Bùi Văn Hiên	Nam	20.01.1972	Trường THCS Tuy Lai, huyện Mỹ Đức, Hà Nội	68	77.5	30	70		Không đạt	
146	THCS146	Vũ Thị Hồng Hiệp	Nữ	23.09.1974	Trường THCS Phan Chu Trinh, quận Ba Đình, Hà Nội	66	77.5	96	74	Đạt		
147	THCS147	Nguyễn Hữu Hiệp	Nam	26.09.1977	Trường THCS Nguyễn Công Trứ, quận Ba Đình, Hà Nội	58	Miễn thi	90	68	Đạt		

STT	Số BD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị công tác	Điểm thi				Kết quả		Ghi chú
						Kiểm thức chung	Tin học	Ngoại ngữ	Chuyên môn nghiệp vụ	Đạt	Không đạt	
148	THCS148	Đặng Tiến	Nam	07.01.1973	Trường THCS Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, Hà Nội	64	57.5	80	72	Đạt		
149	THCS149	Phạm Thị	Nữ	09.02.1970	Trường THCS Ngô Quyền, thị xã Sơn Tây, Hà Nội	57	55	82	68	Đạt		
150	THCS150	Nguyễn Thị Minh	Nữ	29.05.1975	Trường THCS Thăng Long, quận Ba Đình, Hà Nội	61	67.5	90	76	Đạt		
151	THCS151	Tống Thị	Nữ	23.09.1980	Trường THCS Ngọc Lâm, quận Long Biên, Hà Nội	58	57.5	78	80	Đạt		
152	THCS152	Đinh Thị Như	Nữ	13.03.1967	Trường THCS Trung Nhi, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	74	Miễn thi	Miễn thi	75	Đạt		
153	THCS153	Trần Thị Thanh	Nữ	26.03.1971	Trường THCS Tứ Liên, Tây Hồ, Hà Nội	65	Miễn thi	Miễn thi	90	Đạt		
154	THCS154	Phạm Đàm Tuyết	Nữ	30.10.1971	Trường THCS Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội	65	72.5	82	80	Đạt		
155	THCS155	Trần Thị Thanh	Nữ	03.11.1986	Trường THCS Kim Sơn, thị xã Sơn Tây, Hà Nội	59	70	46	64		Không đạt	
156	THCS156	Nhữ Thị Thanh	Nữ	05.07.1978	Trường THCS Phùng Hưng, thị xã Sơn Tây, Hà Nội	65	47.5	86	65		Không đạt	
157	THCS157	Nguyễn Thị	Nữ	10.11.1977	Trường THCS Vạn Điểm, huyện Thường Tín, Hà Nội	61	60	80	77	Đạt		
158	THCS158	Nguyễn Thị	Nữ	15.12.1979	Trường THCS Liên Hà, huyện Đông Anh, Hà Nội	74	80	52	75		Không đạt	
159	THCS159	Lê Quang	Nam	27.01.1971	Trường THCS Văn Hà, huyện Đông Anh, Hà Nội	79	Miễn thi	84	90	Đạt		
160	THCS160	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	24.04.1981	Trường THCS Nam Từ Liêm, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	59	77.5	88	87	Đạt		
161	THCS161	Phạm Văn	Nam	15.11.1971	Trường PTCS Xã Đa Đa, Hà Nội	55	82.5	90	90	Đạt		
162	THCS162	Nguyễn Thị Thu	Nữ	14.07.1972	Trường THCS Thượng Cốc, huyện Phúc Thọ, Hà Nội	71	60	84	85	Đạt		
163	THCS163	Nguyễn Văn	Nam	14.03.1975	Trường THCS Phùng Xá, huyện Mỹ Đức, Hà Nội	60	85	82	80	Đạt		
164	THCS164	Vũ Thị Thu	Nữ	07.11.1981	Trường THCS Tân Định, quận Hoàng Mai, Hà Nội	64	90	84	80	Đạt		
165	THCS165	Phạm Thị	Nữ	05.12.1977	Trường THCS Nguyễn Huy Tường, huyện Đông Anh, Hà Nội	62	80	88	75	Đạt		
166	THCS166	Ngô Thị	Nữ	12.11.1976	Trường THCS Thống Nhất, quận Ba Đình, Hà Nội	65	80	48	80		Không đạt	

STT	Số BD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị công tác	Điểm thi				Kết quả		Ghi chú
						Kiến thức chung	Tin học	Ngoại ngữ	Chuyên môn nghiệp vụ	Đạt	Không đạt	
167	THCS167	Phạm Thị Hòa	Nữ	14.05.1967	Trường THCS Bé Văn Đàn, quận Đống Đa, Hà Nội	V	V	V	V		Không đạt	Bỏ thi
168	THCS168	Nguyễn Thị Hòa	Nữ	20.04.1973	Trường THCS Phương Tú, huyện ứng Hòa, Hà Nội	76	75	90	73	Đạt		
169	THCS169	Trần Thị Hòa	Nữ	02.10.1971	Trường THCS Phương Tú, huyện ứng Hòa, Hà Nội	69	62.5	82	70	Đạt		
170	THCS170	Nguyễn Thị Hò	Nữ	08.03.1975	Trường THCS Liên Hà, huyện Đan Phượng, Hà Nội	60	60	80	78	Đạt		
171	THCS171	Nguyễn Thị Tuyết Hồng	Nữ	15.12.1970	Trường THCS Bé Văn Đàn, quận Đống Đa, Hà Nội	62	Miễn thi	82	80	Đạt		
172	THCS172	Dương Thị Thủy Hồng	Nữ	29.09.1975	Trường THCS Cao Bá Quát, huyện Gia Lâm, Hà Nội	58	Miễn thi	76	80	Đạt		
173	THCS173	Hoàng Thanh Hồng	Nữ	09.05.1971	Trường THCS Nguyễn Trãi A, huyện Thường Tín, Hà Nội	85	Miễn thi	82	75	Đạt		
174	THCS174	Là Thị Nguyễn Huệ	Nữ	10.11.1975	Trường THCS Đa Tốn, huyện Gia Lâm, Hà Nội	62	65	84	70	Đạt		
175	THCS175	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	20.02.1978	Trường THCS Tam Khương, quận Đống Đa, Hà Nội	60	90	82	75	Đạt		
176	THCS176	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	20.06.1967	Trường THCS Quỳnh Mai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	61	70	Miễn thi	80	Đạt		
177	THCS177	Lê Thanh Huệ	Nữ	03.05.1978	Trường THCS Thanh Trì, quận Hoàng Mai, Hà Nội							Bỏ thi
178	THCS178	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	13.12.1976	Trường THCS Liên Hiệp, huyện Phúc Thọ, Hà Nội	55	77.5	82	75	Đạt		
179	THCS179	Nguyễn Thị Bích Huệ	Nữ	25.05.1973	Trường THCS Bình Minh, huyện Thanh Oai, Hà Nội	59	77.5	84	80	Đạt		
180	THCS180	Ngô Quốc Huy	Nam	21.11.1972	Trường THCS Trung Giã, huyện Sóc Sơn, Hà Nội	59	77.5	Miễn thi	70	Đạt		
181	THCS181	Nguyễn Ngọc Huyền	Nữ	27.12.1973	Trường THCS Phan Chu Trinh, quận Ba Đình, Hà Nội	70	Miễn thi	82	66.5	Đạt		
182	THCS182	Là Thị Huyền	Nữ	25.03.1973	Trường THCS Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội	60	70	86	76.5	Đạt		
183	THCS183	Nguyễn Thị Thu Huyền	Nữ	13.12.1971	Trường THCS Kim Lan, huyện Gia Lâm, Hà Nội	90	75	82	85	Đạt		
184	THCS184	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nữ	27.06.1976	Trường THCS Thọ Lộc, huyện Phúc Thọ, Hà Nội	69	67.5	82	77.5	Đạt		
185	THCS185	Khuất Thị Thanh Huyền	Nữ	19.12.1975	Trường THCS Trạch Mỹ Lộc, huyện Phúc Thọ, Hà Nội	90	77.5	84	84	Đạt	2	

STT	Số BD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị công tác	Điểm thi				Kết quả		Ghi chú
						Kiến thức chung	Tin học	Ngoại ngữ	Chuyên môn nghiệp vụ	Đạt	Không đạt	
186	THCS186	Đặng Thị Huyền	Nữ	06.04.1976	Trường THCS Xuân Phú, huyện Phúc Thọ, Hà Nội	65	70	56	86.5	Đạt		
187	THCS187	Nguyễn Thanh Huyền	Nữ	12.08.1976	Trường THCS Phan Đình Giót, quận Thanh Xuân, Hà Nội	60	67.5	Miễn thi	80	Đạt		
188	THCS188	Nguyễn Thanh Huyền	Nữ	19.11.1978	Trường THCS Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội	V	V	V	V		Không đạt	Bỏ thi
189	THCS189	Đỗ Thị Huyền	Nữ	26.08.1977	Trường THCS Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	60	75	60	72	Đạt		
190	THCS190	Đỗ Văn Huỳnh	Nam	23.02.1972	Trường THCS Xuân Nộn, huyện Đông Anh, Hà Nội	V	V	V	V		Không đạt	Bỏ thi
191	THCS191	Nguyễn Đình Hùng	Nam	06.10.1978	Trường THCS Hoàng Diệu, huyện Chương Mỹ, Hà Nội	55	60	96	61	Đạt		
192	THCS192	Phùng Hữu Hưng	Nam	09.06.1959	Trường THCS Phú Sơn, Ba Vì, Hà Nội	79	Miễn thi	Miễn thi	82.5	Đạt		
193	THCS193	Hoàng Văn Hưng	Nam	05.12.1976	Trường THCS Liên Mạc A, huyện Mê Linh, Hà Nội	70	Miễn thi	88	71	Đạt		
194	THCS194	Nguyễn Thị Hưng	Nữ	30.06.1974	Trường THCS Võng La, huyện Đông Anh, Hà Nội	60	55	82	75	Đạt		
195	THCS195	Đỗ Thu Hương	Nữ	30.04.1972	Trường THCS Phan Chu Trinh, quận Ba Đình, Hà Nội	70	70	86	83.5	Đạt		
196	THCS196	Nguyễn Thị Lan Hương	Nữ	01.01.1974	Trường THCS Nguyễn Trãi, quận Ba Đình, Hà Nội	55	Miễn thi	78	77	Đạt		
197	THCS197	Trần Thị Lan Hương	Nữ	07.11.1975	Trường THCS Thống Nhất, quận Ba Đình, Hà Nội	75	57.5	90	71	Đạt		
198	THCS198	Phan Thị Hương	Nữ	29.05.1977	Trường THCS Sài Đồng, quận Long Biên, Hà Nội	65	Miễn thi	92	66	Đạt		
199	THCS199	Đỗ Thu Hương	Nữ	08.12.1973	Trường THCS Huy Văn, quận Đống Đa, Hà Nội	67	50	V	V		Không đạt	
200	THCS200	Trần Thị Mai Hương	Nữ	22.11.1972	Trường THCS Lê Quý Đôn quận Cầu Giấy, Hà Nội	75	67.5	Miễn thi	85.5	Đạt		
201	THCS201	Nguyễn Thị Thanh Hương	Nữ	19.05.1968	Trường THCS Hoàn Kiếm, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	60	Miễn thi	Miễn thi	70	Đạt		
202	THCS202	Phan Thị Thu Hương	Nữ	15.12.1971	Trường THCS Nguyễn Du, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	70	Miễn thi	94	60	Đạt		
203	THCS203	Vũ Diệu Hương	Nữ	14.10.1978	Trường THCS Thanh Trì, quận Hoàng Mai, Hà Nội	V	V	V	V		Không đạt	Bỏ thi
204	THCS204	Trần Thị Thu Hương	Nữ	16.12.1977	Trường THCS Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội	85	70	90	80	Đạt		

STT	Số BD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị công tác	Điểm thi				Kết quả		Ghi chú
						Kiến thức chung	Tin học	Ngoại ngữ	Chuyên môn nghiệp vụ	Đạt	Không đạt	
205	THCS205	Kiều Thị Thu	Nữ	28.12.1974	Trường THCS Lê Quý Đôn, quận Hà Đông, Hà Nội	60	Miễn thi	86	80	Đạt		
206	THCS206	Nguyễn Thị	Nữ	05.04.1978	Trường THCS Mỗ Lao, quận Hà Đông, Hà Nội	70	60	88	85	Đạt		
207	THCS207	Nguyễn Thị Thu	Nữ	06.12.1976	Trường THCS Phùng Hưng, thị xã Sơn Tây, Hà Nội	60	40	86	60		Không đạt	
208	THCS208	Trần Thị Lan	Nữ	11.02.1967	Trường THCS Hồng Hà, thị xã Sơn Tây, Hà Nội	60	57.5	Miễn thi	60	Đạt		
209	THCS209	Hoàng Nam	Nữ	13.09.1968	Trường THCS Viên Sơn, thị xã Sơn Tây, Hà Nội	60	72.5	Miễn thi	55	Đạt		
210	THCS210	Hoàng Thị Thu	Nữ	06.01.1976	Trường THCS Ngô Quyền, thị xã Sơn Tây, Hà Nội	70	62.5	88	85	Đạt		
211	THCS211	Đặng Thị Thanh	Nữ	05.08.1973	Trường THCS Tốt Động, huyện Chương Mỹ, Hà Nội	70	47.5	V	V		Không đạt	
212	THCS212	Nguyễn Thị Thu	Nữ	02.10.1974	Trường THCS Duyên Thái, huyện Thường Tín, Hà Nội	70	47.5	V	V		Không đạt	
213	THCS213	Đặng Thị Mai	Nữ	01.10.1975	Trường THCS Nghiêm Xuyên, huyện Thường Tín, Hà Nội	60	55	76	78	Đạt		
214	THCS214	Nguyễn Thị Thu	Nữ	18.01.1974	Trường THCS Tiên Phong, huyện Thường Tín, Hà Nội	55	55	86	75	Đạt		
215	THCS215	Bùi Thị	Nữ	18.12.1977	Trường THCS Văn Khê B, huyện Mê Linh, Hà Nội	60	Miễn thi	44	83		Không đạt	
216	THCS216	Trần Thị Mai	Nữ	03.01.1976	Trường THCS Vĩnh Ngọc, huyện Đông Anh, Hà Nội	70	30	V	V		Không đạt	
217	THCS217	Nguyễn Thiên	Nữ	29.10.1974	Trường THCS Mai Lâm, huyện Đông Anh, Hà Nội	85	55	38	63		Không đạt	
218	THCS218	Phùng Thị	Nữ	23.02.1976	Trường THCS Thụy Phú, huyện Phú Xuyên, Hà Nội	70	80	Miễn thi	78		Không đạt	CC giá
219	THCS219	Khúc Thị Thu	Nữ	11.11.1973	Trường THCS Chu Văn An, huyện Thanh Trì, Hà Nội	60	57.5	38	83		Không đạt	
220	THCS220	Đoàn Thị Thanh	Nữ	03.12.1970	Trường THCS Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	60	42.5	V	V		Không đạt	
221	THCS221	Bùi Thị	Nữ	21.03.1979	Trường THCS Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	70	62.5	46	85		Không đạt	
222	THCS222	Phạm Thị	Nữ	06.10.1973	Trường THCS Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	V	V	V	V		Không đạt	Bỏ thi
223	THCS223	Kiều Thị Thủy	Nữ	15.03.1977	Trường THCS Cao Bá Quát, huyện Gia Lâm, Hà Nội	70	55	44	70		Không đạt	2

STT	Số BD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị công tác	Điểm thi				Kết quả		Ghi chú
						Kiểm thức chung	Tin học	Ngoại ngữ	Chuyên môn nghiệp vụ	Đạt	Không đạt	
224	THCS224	Nguyễn Thị Hường	Nữ	22.06.1979	Trường THCS Lê Quý Đôn Hà Đông, Hà Nội	85	82.5	56	71	Đạt		
225	THCS225	Nguyễn Thị Thanh Hường	Nữ	03.04.1974	Trường THCS Nguyễn Trục - Thị trấn Kim Bài, huyện Thanh Oai, Hà Nội	70	50	V	V		Không đạt	
226	THCS226	Nguyễn Thị Thanh Hường	Nữ	03.04.1974	Trường THCS Vạn Điểm, huyện Thường Tín, Hà Nội	65	47.5	V	V		Không đạt	
227	THCS227	Phạm Thị Hường	Nữ	01.09.1969	Trường THCS Hoàn Kiếm, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	70	45	V	V		Không đạt	
228	THCS228	Phạm Thị Khánh	Nữ	20.08.1976	Trường THCS Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội	60	52.5	30	66		Không đạt	
229	THCS229	Nguyễn Thị Thu Khánh	Nữ	02.09.1975	Trường THCS Ngô Quyền, thị xã Sơn Tây, Hà Nội	60	32.5	V	V		Không đạt	
230	THCS230	Nguyễn Quang Khải	Nam	21.10.1975	Trường THCS Tiên Phong, Ba Vì, Hà Nội	55	62.5	32	71		Không đạt	
231	THCS231	Phạm Minh Khải	Nam	17.11.1977	Trường THCS Tiên Phong, huyện Mê Linh, Hà Nội	55	70	64	70	Đạt		
232	THCS232	Quách Ngọc Khoái	Nam	12.01.1975	Trường THCS Tiên Dược, huyện Sóc Sơn, Hà Nội	60	40	V	V		Không đạt	
233	THCS233	Nguyễn Thị Kim Khuê	Nữ	09.07.1968	Trường THCS Trung Nhì, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	70	Miễn thi	Miễn thi	80	Đạt		
234	THCS234	Đặng Ngọc Kỳ	Nam	04.01.1965	Trường THCS Trung Nhì, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	60	50	V	V		Không đạt	
235	THCS235	Mai Thị Lan	Nữ	18.08.1964	Trường THCS Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội	60	45	Miễn thi	V		Không đạt	
236	THCS236	Lương Ngọc Lan	Nữ	02.05.1970	Trường THCS Trung Nhì, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	V	V	V	V		Không đạt	Bỏ thi
237	THCS237	Lê Thị Lan	Nữ	15.05.1974	Trường THCS Hòa Phú, huyện Ứng Hòa, Hà Nội	70	42.5	V	V		Không đạt	
238	THCS238	Nguyễn Thị Lan	Nữ	10.09.1980	Trường THCS Lê Quý Đôn quận Cầu Giấy, Hà Nội	70	72.5	64	60	Đạt		
239	THCS239	Nguyễn Ngọc Lan	Nữ	18.01.1973	Trường THCS Chu Văn An, Tây Hồ, Hà Nội	75	82.5	Miễn thi	70	Đạt		
240	THCS240	Nguyễn Thị Hương Lan	Nữ	17.06.1980	Trường THCS Đại Kim, quận Hoàng Mai, Hà Nội	70	Miễn thi	30	55		Không đạt	
241	THCS241	Đỗ Thị Thu Lan	Nữ	16.01.1971	Trường THCS Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội	75	Miễn thi	74	80	Đạt		
242	THCS242	Nguyễn Thị Lan	Nữ	17.07.1974	Trường THCS Kim Sơn, thị xã Sơn Tây, Hà Nội	65	45	24	75		Không đạt	

STT	Số BD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị công tác	Điểm thi				Kết quả		Ghi chú
						Kiểm thực chung	Tin học	Ngoại ngữ	Chuyên môn nghiệp vụ	Đạt	Không đạt	
243	THCS243	Phan Thị Phương	Nữ	18.02.1977	Trường THCS Kim Sơn, thị xã Sơn Tây, Hà Nội	60	50	22	55		Không đạt	
244	THCS244	Nguyễn Phương	Nữ	15.07.1973	Trường THCS Hoàng Văn Thụ, huyện Chương Mỹ, Hà Nội	75	77.5	32	70		Không đạt	
245	THCS245	Tổng Thị Thu	Nữ	12.04.1982	Trường THCS Kim Giang, quận Thanh Xuân, Hà Nội	V	V	V	V		Không đạt	Bỏ thí
246	THCS246	Nguyễn Thị	Nữ	22.03.1976	Trường THCS Cổ Loa, huyện Đông Anh, Hà Nội	69	62.5	28	75		Không đạt	
247	THCS247	Nguyễn Thị Hương	Nữ	15.06.1981	Trường THCS Liên Hà, huyện Đông Anh, Hà Nội	65	Miễn thi	48	85		Không đạt	
248	THCS248	Hoàng Thị Phương	Nữ	27.02.1978	Trường THCS Nguyễn Huy Tưởng, huyện Đông Anh, Hà Nội	65	37.5	V	V		Không đạt	
249	THCS249	Nguyễn Thị Mai	Nữ	15.10.1980	Trường THCS Nguyễn Huy Tưởng, huyện Đông Anh, Hà Nội	65	Miễn thi	52	90		Không đạt	
250	THCS250	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	02.11.1975	Trường THCS Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội	70	47.5	V	V		Không đạt	
251	THCS251	Lê Thị Kim	Nữ	03.10.1975	Trường THCS Kim Sơn, huyện Gia Lâm, Hà Nội	85	77.5	52	90		Không đạt	
252	THCS252	Tô Thị Bích	Nữ	21.06.1975	Trường THCS Đông Sơn, huyện Chương Mỹ, Hà Nội	70	60	90	95	Đạt		
253	THCS253	Phùng Thị Minh	Nữ	15.02.1975	Trường THCS Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội	60	57.5	52	80		Không đạt	
254	THCS254	Nguyễn Thị Mỹ	Nữ	16.12.1972	Trường THCS Gia Thụy, quận Long Biên, Hà Nội	60	52.5	V	V		Không đạt	
255	THCS255	Vương Thị Phương	Nữ	05.03.1986	Trường THCS Tô Hoàng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	60	70	86	95	Đạt		
256	THCS256	Ngô Thị Kiều	Nữ	11.05.1978	Trường THCS Nguyễn Du, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	65	77.5	84	87	Đạt		
257	THCS257	Trần Bảo	Nữ	01.02.1978	Trường THCS Thanh Trì, quận Hoàng Mai, Hà Nội	55	32.5	V	V		Không đạt	
258	THCS258	Hồ Thị Kiều	Nữ	07.07.1975	Trường THCS Thạch Bàn, quận Long Biên, Hà Nội	70	47.5	V	V		Không đạt	
259	THCS259	Trần Thanh	Nữ	18.10.1977	Trường THCS Phú Lưu, huyện Ứng Hòa, Hà Nội	70	57.5	52	79		Không đạt	
260	THCS260	Dương Thị	Nữ	14.08.1973	Trường THCS An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội	60	67.5	Miễn thi	76.5	Đạt		
261	THCS261	Đặng Hồng	Nữ	19.05.1972	Trường THCS Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội	60	77.5	90	78.5	Đạt		

STT	Số BD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị công tác	Điểm thi				Kết quả		Ghi chú
						Kiến thức chung	Tin học	Ngoại ngữ	Chuyên môn nghiệp vụ	Đạt	Không đạt	
262	THCS262	Nguyễn Thị Bạch	Nữ	02.12.1969	Trường THCS Kiến Hưng, quận Hà Đông, Hà Nội	V	V	V	V		Không đạt	Bỏ thi
263	THCS263	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	02.11.1976	Trường THCS Bình Minh, huyện Thanh Oai, Hà Nội	56	67.5	78	77	Đạt		
264	THCS264	Nguyễn Thị	Nữ	05.03.1976	Trường THCS Mai Lâm, huyện Đông Anh, Hà Nội	63	65	58	75	Đạt		
265	THCS265	Đỗ Thị Kim	Nữ	01.04.1974	Trường THCS Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	56	Miễn thi	46	82.5		Không đạt	
266	THCS266	Nguyễn Thị	Nữ	12.05.1969	Trường THCS Uy Nỗ, huyện Đông Anh, Hà Nội	55	67.5	54	80		Không đạt	
267	THCS267	Đàm Bạch	Nam	21.06.1968	Trường THCS Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	61	Miễn thi	42	85		Không đạt	
268	THCS268	Nguyễn Thị Khánh	Nữ	05.02.1978	Trường THCS Hồng Hà, huyện Đan Phượng, Hà Nội	68	60	58	82	Đạt		
269	THCS269	Đỗ Bình	Nam	22.09.1973	Trường THCS Đông Phương Yên, huyện Chương Mỹ, Hà Nội	56	82.5	80	85	Đạt		
270	THCS270	Hoàng Thị	Nữ	22.10.1977	Trường THCS Quảng An, Hà Nội	56	70	66	82	Đạt		
271	THCS271	Đỗ Thị	Nữ	04.06.1973	Trường THCS Duyên Thái, huyện Thường Tín, Hà Nội	56	60	84	80	Đạt		
272	THCS272	Phan Minh	Nam	12.05.1963	Trường THCS Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội	56	67.5	Miễn thi	83	Đạt		
273	THCS273	Vũ Thị	Nữ	01.03.1974	Trường THCS Tân Định, quận Hoàng Mai, Hà Nội	56	67.5	56	75	Đạt		
274	THCS274	Trịnh Thị Thanh	Nữ	12.11.1971	Trường THCS Nguyễn Thượng Hiền, huyện Ứng Hòa, Hà Nội	56	55	82	75	Đạt		
275	THCS275	Nguyễn Thị Phương	Nữ	03.09.1967	Trường THCS Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội	V	V	V	V		Không đạt	Bỏ thi
276	THCS276	Đỗ Thanh	Nữ	14.11.1967	Trường THCS Nguyễn Du, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	65	62.5	Miễn thi	81	Đạt		
277	THCS277	Trần Phương	Nữ	09.12.1973	Trường THCS Sơn Lộc, thị xã Sơn Tây, Hà Nội	62	75	Miễn thi	73.5	Đạt		
278	THCS278	Phạm Thị	Nữ	09.01.1964	Trường THCS Tiến Dược, huyện Sóc Sơn, Hà Nội	V	V	V	V		Không đạt	Bỏ thi
279	THCS279	Nguyễn Thị Thùy	Nữ	20.06.1984	Trường THCS Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội	74	75	68	72.5	Đạt		
280	THCS280	Lê Thị	Nữ	06.06.1966	Trường THCS Hoàn Kiếm, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	72	57.5	Miễn thi	67.5	Đạt		

STT	Số BD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị công tác	Điểm thi				Kết quả		Ghi chú
						Kiểm thức chung	Tin học	Ngoại ngữ	Chuyên môn nghiệp vụ	Đạt	Không đạt	
281	THCS281	Phạm Thị Hồng	Nữ	13.12.1969	Trường THCS Nguyễn Du, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	62	82.5	98	83.5	Đạt		
282	THCS282	Nguyễn Đức	Nam	15.02.1978	Trường THCS Phương Độ, huyện Phúc Thọ, Hà Nội	55	80	28	88		Không đạt	
283	THCS283	Vũ Thị	Nữ	18.01.1974	Trường THCS Tô Vĩnh Diện, quận Đống Đa, Hà Nội	56	72.5	80	72	Đạt		
284	THCS284	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	21.02.1970	Trường THCS Hòa Phú, huyện ứng Hòa, Hà Nội	64	62.5	84	70	Đạt		
285	THCS285	Hoàng Thị	Nữ	09.12.1975	Trường THCS Xuân Khanh, thị xã Sơn Tây, Hà Nội	79	67.5	82	82.5	Đạt		
286	THCS286	Chu Thị Thanh	Nữ	15.05.1974	Trường THCS Thanh Mỹ, thị xã Sơn Tây, Hà Nội	58	35	80	60		Không đạt	
287	THCS287	Vũ Thị Hải	Nữ	08.03.1972	Trường THCS Bế Văn Đàn, quận Đống Đa, Hà Nội	55	Miễn thi	94	70	Đạt		
288	THCS288	Nguyễn Văn	Nam	04.02.1961	Trường THCS Nguyễn Du, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	64	55	Miễn thi	80	Đạt		
289	THCS289	Vũ Bá	Nam	22.10.1971	Trường THCS Thanh Mai, huyện Thanh Oai, Hà Nội	70	Miễn thi	80	80	Đạt		
290	THCS290	Nguyễn Thị Bích	Nữ	07.10.1971	Trường THCS Đoàn Kết, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	62	52.5	84	88		Không đạt	
291	THCS291	Phạm Thị Hằng	Nữ	23.04.1972	Trường THCS Đồng La, huyện Hoài Đức, Hà Nội	55	52.5	82	80		Không đạt	
292	THCS292	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	11.10.1968	Trường THCS Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội	70	62.5	Miễn thi	80	Đạt		
293	THCS293	Đặng Thị Quỳnh	Nữ	18.02.1979	Trường THCS Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	V	V	V	V		Không đạt	Bỏ thi
294	THCS294	Trần Thị Vân	Nữ	08.01.1977	Trường THCS Thanh Mỹ, thị xã Sơn Tây, Hà Nội	82	70	Miễn thi	80	Đạt		
295	THCS295	Vũ Thị	Nữ	11.01.1976	Trường THCS Phương Thượng, Huyện Phúc Thọ, Hà Nội	V	V	V	V		Không đạt	Bỏ thi
296	THCS296	Dương Thị Thanh	Nữ	02.09.1970	Trường THCS Duyên Thái, huyện Thường Tín, Hà Nội	62	Miễn thi	84	63.5	Đạt		
297	THCS297	Lê Văn	Nam	13.12.1975	Trường THCS Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội	56	62.5	80	71.5	Đạt		
298	THCS298	Đinh Thị Kim	Nữ	15.10.1976	Trường THCS Tân Hội, huyện Đan Phượng, Hà Nội	59	55	58	83	Đạt		
299	THCS299	Trần Thị	Nữ	08.11.1979	Trường THCS TT Yên Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội	55	50	88	60		Không đạt	2

STT	Số BD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị công tác	Điểm thi				Kết quả		Ghi chú
						Kiến thức chung	Tin học	Ngoại ngữ	Chuyên môn nghiệp vụ	Đạt	Không đạt	
300	THCS300	Nguyễn Thị Kim Ngân	Nữ	09.12.1973	Trường THCS Dũng Tiến, huyện Thường Tín, Hà Nội	60	37.5	82	69		Không đạt	
301	THCS301	Vũ Thị Minh Ngân	Nữ	28.12.1972	Trường THCS Thượng Cát, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	58	42.5	V	V		Không đạt	
302	THCS302	Hoàng Chí Nghĩa	Nam	12.03.1974	Trường THCS Phương Tú, huyện ứng Hòa, Hà Nội	56	40	V	V		Không đạt	
303	THCS303	Nguyễn Thị Ngoan	Nữ	24.03.1976	Trường THCS Thanh Mỹ, thị xã Sơn Tây, Hà Nội	66	37.5	94	70		Không đạt	
304	THCS304	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Nữ	30.10.1975	Trường THCS Ái Mộ, quận Long Biên, Hà Nội	63	52.5	V	V		Không đạt	
305	THCS305	Nguyễn Thị Huyền Ngọc	Nữ	01.08.1976	Trường THCS Huy Văn, quận Đống Đa, Hà Nội	60	82.5	84	70	Đạt		
306	THCS306	Phạm Thị Thúy Ngọc	Nữ	08.01.1971	Trường THCS Trung Tú, huyện ứng Hòa, Hà Nội	71	62.5	76	85	Đạt		
307	THCS307	Trần Bích Ngọc	Nữ	27.07.1981	Trường THCS TT Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, Hà Nội	62	82.5	88	74	Đạt		
308	THCS308	Trần Bảo Ngọc	Nữ	02.01.1974	Trường THCS TT Yên Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội	69	Miễn thi	80	75	Đạt		
309	THCS309	Vũ Thị Phương Ngọc	Nữ	24.08.1973	Trường THCS Lê Lợi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	63	47.5	Miễn thi	71		Không đạt	
310	THCS310	Bùi Hồng Ngọc	Nữ	04.06.1968	Trường THCS Ngô Sĩ Liên, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	55	Miễn thi	Miễn thi	80	Đạt		
311	THCS311	Trần Quang Ngọc	Nam	07.08.1964	Trường THCS Tân Đà, Ba Vì, Hà Nội	64	Miễn thi	90	90	Đạt		
312	THCS312	Đinh Thị Thanh Ngọc	Nữ	14.05.1974	Giáo viên Trường THCS Nhị Khê, huyện Thường Tín, Hà Nội	57	27.5	V	V		Không đạt	
313	THCS313	Phan Thị Bích Ngọc	Nữ	19.11.1973	Giáo viên Trường THCS Nhị Khê, huyện Thường Tín, Hà Nội	58	47.5	V	V		Không đạt	
314	THCS314	Nguyễn Thị Minh Ngọc	Nữ	09.04.1971	Trường THCS Hoàng Kim, huyện Mê Linh, Hà Nội	55	72.5	88	85	Đạt		
315	THCS315	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	26.05.1975	Trường THCS Trung Vương, huyện Mê Linh, Hà Nội	62	Miễn thi	40	85		Không đạt	
316	THCS316	Nguyễn Thị ánh Ngọc	Nữ	23.09.1968	Trường THCS Việt Nam-Angieri, quận Thanh Xuân, Hà Nội	61	Miễn thi	Miễn thi	83.5	Đạt		
317	THCS317	Nguyễn Tiến Ngọc	Nam	20.10.1974	Trường THCS Quang Tiến, huyện Sóc Sơn, Hà Nội	63	Miễn thi	60	73	Đạt		
318	THCS318	Nguyễn Văn Nguyên	Nam	08.02.1982	Trường THCS Khương Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội	62	77.5	50	77		Không đạt	

STT	Số BD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị công tác	Điểm thi				Kết quả		Ghi chú
						Kiểm thức chung	Tin học	Ngoại ngữ	Chuyên môn nghiệp vụ	Đạt	Không đạt	
319	THCS319	Cung Minh	Nữ	30.01.1969	Trường THCS Huy Văn, quận Đống Đa, Hà Nội	58	62.5	80	80	Đạt		
320	THCS320	Trần Thị Minh	Nam	24.01.1972	Trường THCS Đại Hưng, huyện Mỹ Đức, Hà Nội	76	55	86	77	Đạt		
321	THCS321	Lê Minh	Nữ	30.12.1971	Trường THCS Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, Hà Nội	72	25	46	82		Không đạt	
322	THCS322	Lê Thị Bích	Nữ	08.04.1970	Trường THCS Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín, Hà Nội	55	52.5	V	V		Không đạt	
323	THCS323	Phạm Thị Thu	Nữ	18.06.1970	Trường THCS Nguyễn Quý Đức - Nam Từ Liêm Hà Nội	61	Miễn thi	68	77.5	Đạt		
324	THCS324	Nguyễn Xuân	Nam	25.01.1959	Trường THCS Hợp Thanh, huyện Mỹ Đức, Hà Nội	86	Miễn thi	Miễn thi	86.5	Đạt		
325	THCS325	Trần Thị	Nữ	18.07.1970	Trường THCS Đại Kim, quận Hoàng Mai, Hà Nội	89	50	V	V		Không đạt	
326	THCS326	Lê Thị Thanh	Nữ	19.05.1977	Trường THCS Vòng La, huyện Đông Anh, Hà Nội	74	70	Miễn thi	70	Đạt		
327	THCS327	Lê Thị	Nữ	09.07.1976	Trường THCS TT Trần Quý, huyện Gia Lâm, Hà Nội	66	Miễn thi	64	75	Đạt		
328	THCS328	Phạm Thị	Nữ	02.01.1981	Trường THCS An Dương, Tây Hồ, Hà Nội	55	62.5	46	75		Không đạt	
329	THCS329	Trần Thị Tuyết	Nữ	12.04.1973	Trường THCS Chu Văn An, Tây Hồ, Hà Nội	72	65	Miễn thi	65	Đạt		
330	THCS330	Nguyễn Thị Phương	Nữ	29.07.1980	Trường THCS Hồng Hà, thị xã Sơn Tây, Hà Nội	55	62.5	64	60	Đạt		
331	THCS331	Nguyễn Thị	Nữ	26.12.1979	Trường THCS Nguyễn Huy Tưởng, huyện Đông Anh, Hà Nội	72	50	50	80		Không đạt	
332	THCS332	Trần Thị	Nữ	04.11.1972	Trường THCS Tân Triều, huyện Thanh Trì, Hà Nội	64	65	28	80		Không đạt	
333	THCS333	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	02.02.1971	Trường THCS ái Mộ, quận Long Biên, Hà Nội	77	57.5	92	70	Đạt		
334	THCS334	Nguyễn Thị Kiều	Nữ	02.07.1968	Trường THCS Trung Nhị, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	63	72.5	Miễn thi	65	Đạt		
335	THCS335	Nguyễn Thị Kim	Nữ	27.03.1977	Trường THCS Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội	78	Miễn thi	92	55	Đạt		
336	THCS336	Trần Thị Kim	Nữ	08.03.1975	Trường THCS Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, Hà Nội	55	55	52	72.5		Không đạt	
337	THCS337	Hoàng Thị Kim	Nữ	15.11.1972	Trường THCS Phú Lương, quận Hà Đông, Hà Nội	82	Miễn thi	44	73.5		Không đạt	

STT	Số BD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị công tác	Điểm thi				Kết quả		Ghi chú
						Kiểm thức chung	Tin học	Ngoại ngữ	Chuyên môn nghiệp vụ	Đạt	Không đạt	
338	THCS338	Kiều Thị Kim	Nữ	14.03.1975	Trường THCS Phùng Hưng, thị xã Sơn Tây, Hà Nội	66	37.5	46	V		Không đạt	
339	THCS339	Vũ Thị	Nữ	16.10.1973	Trường THCS Dũng Tiến, huyện Thường Tín, Hà Nội	65	52.5	62	50		Không đạt	
340	THCS340	Lương Thị Lệ	Nữ	12.07.1974	Trường THCS Dũng Tiến, huyện Thường Tín, Hà Nội	76	50	34	58.5		Không đạt	
341	THCS341	Đinh Thị Thu	Nữ	10.06.1970	Trường THCS Duyên Thái, huyện Thường Tín, Hà Nội	66	Miễn thi	Miễn thi	75	Đạt		
342	THCS342	Lê Kim	Nữ	25.09.1972	Trường THCS Kim Giang, quận Thanh Xuân, Hà Nội	56	Miễn thi	62	72.5	Đạt		
343	THCS343	Nguyễn Thị	Nữ	24.12.1971	Trường THCS Đồng Quang, huyện Quốc Oai, Hà Nội	65	68.5	44	65		Không đạt	
344	THCS344	Hoàng Thị Kim	Nữ	20.06.1976	Trường THCS Trung Giã, huyện Sóc Sơn, Hà Nội	60	82.5	62	80.5	Đạt		
345	THCS345	Kiều Thị	Nữ	24.11.1981	Trường THCS Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội	55	60	62	70	Đạt		
346	THCS346	Phùng Văn	Nam	14.01.1975	Trường THCS Minh Phú, huyện Sóc Sơn, Hà Nội	60	Miễn thi	86	80	Đạt		
347	THCS347	Mai Thị	Nữ	01.06.1973	Trường THCS Phúc Xá, quận Ba Đình, Hà Nội	61	72.5	Miễn thi	75	Đạt		
348	THCS348	Nhữ Thị Hồng	Nữ	20.07.1975	Trường THCS Liên Mạc, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	75	Miễn thi	68	80	Đạt		
349	THCS349	Hoàng Thùy	Nữ	13.10.1976	Trường THCS Thăng Long, quận Ba Đình, Hà Nội	70	Miễn thi	78	85	Đạt		
350	THCS350	Đinh Thị Cúc	Nữ	21.09.1973	Trường THCS Quỳnh Mai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	55	52.5	Miễn thi	V		Không đạt	
351	THCS351	Nguyễn Thị	Nữ	20.09.1977	Trường THCS Thọ Lộc, huyện Phúc Thọ, Hà Nội	57	55	64	75	Đạt		
352	THCS352	Hoàng Thị	Nữ	11.07.1980	Trường THCS Dục Tú, huyện Đông Anh, Hà Nội	55	Miễn thi	50	80		Không đạt	
353	THCS353	Đỗ Thị Minh	Nữ	24.11.1974	Trường THCS Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	55	Miễn thi	64	70	Đạt		
354	THCS354	Hà Thị	Nữ	09.01.1976	Trường THCS Lê Quý Đôn Hà Đông, Hà Nội	60	60	56	75	Đạt		
355	THCS355	Lê Thị Hồng	Nữ	29.12.1974	Trường THCS Mổ Lao, quận Hà Đông, Hà Nội	55	65	64	85	Đạt		
356	THCS356	Nguyễn Thị Lan	Nữ	15.12.1974	Trường THCS Nghiêm Xuân, huyện Thường Tín, Hà Nội	82	27.5	40	73		Không đạt	

STT	Số BD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị công tác	Điểm thi				Kết quả		Ghi chú
						Kiểm thực chung	Tin học	Ngoại ngữ	Chuyên môn nghiệp vụ	Đạt	Không đạt	
357	THCS357	Trịnh Thị Phương	Nữ	08.10.1976	Trường THCS Nguyễn Huy Tưởng, huyện Đông Anh, Hà Nội	45	65	18	80		Không đạt	
358	THCS358	Đào Thị Phương	Nữ	27.01.1973	Trường THCS Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội	55	55	68	83	Đạt		
359	THCS359	Nguyễn Văn Quân	Nam	02.10.1970	Trường THCS Cổ Loa, huyện Đông Anh, Hà Nội	44	Miễn thi	80	75		Không đạt	
360	THCS360	Vũ Thị Quyên	Nữ	23.11.1968	Trường THCS Ngô Gia Tự, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	58	50	Miễn thi	V		Không đạt	
361	THCS361	Nguyễn Thị Tô Quyên	Nữ	05.10.1972	Trường THCS Phú Lương, quận Hà Đông, Hà Nội	V	V	V	V		Không đạt	Bỏ thi
362	THCS362	Vũ Thị Thanh Quyên	Nữ	19.03.1976	Trường THCS Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội	41	65	76	86		Không đạt	
363	THCS363	Lê Thúy Quỳnh	Nữ	13.09.1974	Trường THCS Nguyễn Tô, quận Đống Đa, Hà Nội	55	72.5	64	84	Đạt		
364	THCS364	Bùi Thị Xuân Quỳnh	Nữ	12.09.1977	Trường THCS Nguyễn Du, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	58	85	66	74	Đạt		
365	THCS365	Tô Thị Kim Sa	Nữ	11.12.1971	Trường THCS Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội	64	52.5	78	71		Không đạt	
366	THCS366	Đào Xuân Sinh	Nam	09.07.1972	Trường THCS Xuân Nộn, huyện Đông Anh, Hà Nội	68	Miễn thi	46	86		Không đạt	
367	THCS367	Tạ Thị Tuyết Son	Nữ	27.07.1969	Trường THCS Phúc Lợi, quận Long Biên, Hà Nội	44	57.5	80	75		Không đạt	
368	THCS368	Vũ Thị Kim Son	Nữ	16.06.1971	Trường THCS Tô Hoàng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	55	57.5	66	65	Đạt		
369	THCS369	Hoàng Bình Son	Nam	13.01.1978	Trường THCS Nguyễn Du, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	45	Miễn thi	58	65		Không đạt	
370	THCS370	Đỗ Trường Sơn	Nam	14.05.1977	Trường THCS Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội	59	72.5	74	55	Đạt		
371	THCS371	Lê Văn Suong	Nam	02.09.1962	Trường THCS Tiên Dược, huyện Sóc Sơn, Hà Nội	V	V	V	V		Không đạt	Bỏ thi
372	THCS372	Nguyễn Thị Tân	Nữ	22.09.1979	Trường THCS Quảng An, Tây Hồ, Hà Nội	55	67.5	74	60	Đạt		
373	THCS373	Doãn Thị Xuân Thanh	Nữ	27.10.1975	Trường THCS ái Mộ, quận Long Biên, Hà Nội	37	55	56	65		Không đạt	
374	THCS374	Bùi Hà Thanh	Nữ	20.09.1974	Trường THCS Tam Hưng, huyện Thanh Oai, Hà Nội	84	57.5	56	65	Đạt		
375	THCS375	Dương Thị Thanh	Nữ	02.08.1970	Trường THCS Thanh Bình, huyện Chương Mỹ, Hà Nội	64	67.5	78	85	Đạt		

STT	Số BD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị công tác	Điểm thi				Kết quả		Ghi chú
						Kiến thức chung	Tin học	Ngoại ngữ	Chuyên môn nghiệp vụ	Đạt	Không đạt	
376	THCS376	Nguyễn Thị Kim	Nữ	10.03.1983	Trường THCS Phan Đình Giót, quận Thanh Xuân, Hà Nội	40	60	44	55		Không đạt	
377	THCS377	Đỗ Xuân	Nam	13.11.1981	Trường THCS Trưng Vương, huyện Mê Linh, Hà Nội	36	Miễn thi	74	60		Không đạt	
378	THCS378	Nguyễn Tiến	Nam	04.06.1980	Trường THCS Gia Thụy, quận Long Biên, Hà Nội	V	V	V	V		Không đạt	Bỏ thi
379	THCS379	Nguyễn Xuân	Nam	16.01.1974	Trường THCS Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội	58	72.5	64	71	Đạt		
380	THCS380	Lê Thị Hồng	Nữ	05.11.1972	Trường THCS Sài Đồng, quận Long Biên, Hà Nội	68	65	78	72.5	Đạt		
381	THCS381	Trần Thị	Nữ	12.09.1969	Trường THCS Bột Xuyên, huyện Mỹ Đức, Hà Nội	56	42.5	56	71.5		Không đạt	
382	THCS382	Ngô Thị Phương	Nữ	22.07.1972	Trường THCS Tây Sơn, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	V	V	V	V		Không đạt	Bỏ thi
383	THCS383	Lý Thị Phương	Nữ	09.09.1976	Trường THCS Tân Mai, quận Hoàng Mai, Hà Nội	64	80	62	71	Đạt		
384	THCS384	Đặng Thị Thu	Nữ	09.12.1986	Trường THCS Lê Quý Đôn, quận Hà Đông, Hà Nội	41	75	70	70		Không đạt	
385	THCS385	Nguyễn Phương	Nữ	16.02.1979	Trường THCS Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội	55	85	84	74	Đạt		
386	THCS386	Nguyễn Thị Phương	Nữ	29.05.1985	Trường THCS Phan Đình Giót, quận Thanh Xuân, Hà Nội	71	57.5	Miễn thi	70	Đạt		
387	THCS387	Nguyễn Thị Phương	Nữ	07.09.1975	Trường THCS Phú Đa, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	74	72.5	92	73	Đạt		
388	THCS388	Khuất Thị	Nữ	27.09.1976	Trường THCS Dương Nội, quận Hà Đông, Hà Nội	82	72.5	90	80	Đạt		
389	THCS389	Cần Việt	Nam	11.01.1973	Trường THCS Phúc Xá, quận Ba Đình, Hà Nội	55	67.5	Miễn thi	67.5	Đạt		
390	THCS390	Nguyễn Toàn	Nam	19.07.1976	Trường THCS Hùng Tiến, huyện Mỹ Đức, Hà Nội	56	57.5	90	70	Đạt		
391	THCS391	Đỗ Huy	Nam	19.11.1976	Trường THCS Hoàng Kim, huyện Mê Linh, Hà Nội	45	Miễn thi	92	80		Không đạt	
392	THCS392	Lưu Đình	Nam	30.06.1965	Trường THCS Thanh Lâm B, huyện Mê Linh, Hà Nội	55	65	84	72.5	Đạt		
393	THCS393	Trần Thị Minh	Nữ	20.01.1980	Trường THCS Kim Nỗ, huyện Đông Anh, Hà Nội	60	55	52	65		Không đạt	
394	THCS394	Hoàng Văn	Nam	03.02.1976	Trường THCS Nghiêm Xuyên, huyện Thường Tín, Hà Nội	55	52.5	56	60		Không đạt	

STT	Số BD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị công tác	Điểm thi				Kết quả		Ghi chú
						Kiến thức chung	Tin học	Ngoại ngữ	Chuyên môn nghiệp vụ	Đạt	Không đạt	
395	THCS395	Mai Thị Thanh	Nữ	23.10.1978	Trường THCS Tuy Lai, huyện Mỹ Đức, Hà Nội	47	50	60	63.5		Không đạt	
396	THCS396	Vũ Thị	Nữ	04.04.1976	Trường THCS Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	89	60	72	64.5	Đạt		
397	THCS397	Ngô Văn	Nam	12.02.1963	Trường THCS Mai Lâm, huyện Đông Anh, Hà Nội	55	Miễn thi	Miễn thi	69	Đạt		
398	THCS398	Trương Thị	Nữ	04.09.1975	Trường THCS Kim Sơn, thị xã Sơn Tây, Hà Nội	45	60	80	70		Không đạt	
399	THCS399	Nguyễn Thị Hồng	Nữ	24.03.1975	Trường THCS Tạ Thanh Oai, huyện Thanh Trì, Hà Nội	59	Miễn thi	70	80	Đạt		
400	THCS400	Nguyễn Thị	Nữ	15.09.1975	Trường THCS Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	57	62.5	80	80	Đạt		
401	THCS401	Nguyễn Thị	Nữ	14.06.1978	Trường THCS Tuy Lai, huyện Mỹ Đức, Hà Nội	55	52.5	84	70		Không đạt	
402	THCS402	Đàm Thị	Nữ	13.01.1974	Trường THCS Khai Thái, huyện Phú Xuyên, Hà Nội	45	Miễn thi	68	70		Không đạt	
403	THCS403	Đàm Văn	Nam	29.05.1976	Trường THCS Nguyễn Trãi A, huyện Thường Tín, Hà Nội	67	Miễn thi	80	85	Đạt		
404	THCS404	Chu Hương	Nữ	29.04.1971	Trường THCS Nguyễn Văn Huyền, huyện Hoài Đức, Hà Nội	36	Miễn thi	80	85		Không đạt	
405	THCS405	Đỗ Hữu	Nam	01.02.1978	Trường THCS Liên Mạc A, huyện Mê Linh, Hà Nội	42	37.5	V	V		Không đạt	
406	THCS406	Vũ Thị	Nữ	24.06.1986	Trường THCS Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	64	80	80	72.5	Đạt		
407	THCS407	Đinh Kim	Nữ	18.04.1972	Trường THCS Quỳnh Mai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	40	82.5	68	75		Không đạt	
408	THCS408	Nguyễn Thị	Nữ	26.03.1971	Trường THCS Ngô Quyền, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	46	27.5	V	V		Không đạt	
409	THCS409	Trần Lê	Nữ	27.01.1968	Trường THCS Quỳnh Mai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	28	67.5	Miễn thi	60		Không đạt	
410	THCS410	Đỗ Thị	Nữ	26.03.1967	Trường THCS Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, Hà Nội	42	60	Miễn thi	80		Không đạt	
411	THCS411	Lê Thị Hoài	Nữ	10.10.1981	Trường THCS Mỗ Lao, quận Hà Đông, Hà Nội	40	65	78	70		Không đạt	
412	THCS412	Nguyễn Thị Kim	Nữ	10.07.1970	Trường THCS Phùng Hưng, thị xã Sơn Tây, Hà Nội	55	Miễn thi	80	76	Đạt		
413	THCS413	Trần Thị	Nữ	15.12.1967	Trường THCS Chu Văn An, huyện Thanh Trì, Hà Nội	55	50	Miễn thi	75		Không đạt	2

STT	Số BD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị công tác	Điểm thi				Kết quả		Ghi chú
						Kiến thức chung	Tin học	Ngoại ngữ	Chuyên môn nghiệp vụ	Đạt	Không đạt	
414	THCS414	La Thanh Hà	Nữ	06.08.1976	Trường THCS Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	66	67.5	78	80	Đạt		
415	THCS415	Nguyễn Văn Thuận	Nam	09.02.1973	Trường THCS Liên Mạc B, huyện Mê Linh, Hà Nội	61	Miễn thi	64	85	Đạt		
416	THCS416	Nguyễn Thị Thuận	Nữ	01.07.1977	Trường THCS Cổ Loa, huyện Đông Anh, Hà Nội	67	60	90	70	Đạt		
417	THCS417	Ngô Ich Thuận	Nam	23.09.1970	Trường THCS Nguyễn Khê, huyện Đông Anh, Hà Nội	34	Miễn thi	64	80		Không đạt	
418	THCS418	Đặng Thị Thanh Thủy	Nữ	20.10.1976	Trường THCS Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội	77	62.5	84	85	Đạt		
419	THCS419	Vũ Thị Thanh Thủy	Nữ	14.11.1977	Trường THCS Ngô Gia Tự, quận Long Biên, Hà Nội	58	57.5	64	70	Đạt		
420	THCS420	Trần Thị Thủy	Nữ	13.08.1973	Trường THCS ái Mộ, quận Long Biên, Hà Nội	55	60	80	80	Đạt		
421	THCS421	Nguyễn Thị Ngọc Thủy	Nữ	14.01.1975	Trường THCS Nguyễn Phong Sắc, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	60	67.5	62	85	Đạt		
422	THCS422	Đặng Thị Thủy	Nữ	21.05.1974	Trường THCS Nguyễn Thượng Hiền, huyện Ứng Hòa, Hà Nội	82	50	68	V		Không đạt	
423	THCS423	Nguyễn Thị Thủy	Nữ	16.11.1976	Trường THCS Lê Quý Đôn, quận Hà Đông, Hà Nội	65	57.5	78	80	Đạt		
424	THCS424	Phạm Thị Thủy	Nữ	17.02.1975	Trường THCS Xuân Khanh, thị xã Sơn Tây, Hà Nội	65	65	56	71	Đạt		
425	THCS425	Đỗ Hồng Thủy	Nữ	30.04.1976	Trường THCS Thanh Mỹ, thị xã Sơn Tây, Hà Nội	46	57.5	80	75		Không đạt	
426	THCS426	Phạm Thị Hồng Thủy	Nữ	11.11.1974	Trường THCS Kiều Phú, huyện Quốc Oai, Hà Nội	46	70	80	80		Không đạt	
427	THCS427	Phạm Thị Ngọc Thủy	Nữ	17.04.1972	Trường THCS Nguyễn Trãi A, huyện Thường Tín, Hà Nội	68	Miễn thi	70	75	Đạt		
428	THCS428	Nguyễn Thị Thu Thủy	Nữ	03.11.1974	Trường THCS Nguyễn Công Trứ, quận Ba Đình, Hà Nội	64	50	V	V		Không đạt	
429	THCS429	Hoàng Thanh Thủy	Nữ	10.11.1969	Trường THCS Nguyễn Tô, quận Đống Đa, Hà Nội	55	62.5	70	85	Đạt		
430	THCS430	Phạm Thu Thủy	Nữ	26.02.1969	Trường THCS Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội	55	57.5	Miễn thi	73	Đạt		
431	THCS431	Nguyễn Thu Thủy	Nữ	06.08.1977	Trường THCS Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, Hà Nội	43	Miễn thi	86	78		Không đạt	
432	THCS432	Vương Thị Thu Thủy	Nữ	02.03.1981	Trường THCS Chu Văn An, Tây Hồ, Hà Nội	55	Miễn thi	70	60	Đạt		

STT	Số BD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị công tác	Điểm thi				Kết quả		Ghi chú
						Kiểm thức chung	Tin học	Ngoại ngữ	Chuyên môn nghiệp vụ	Đạt	Không đạt	
433	THCS433	Mai Thị Thanh	Nữ	16.10.1977	Trường THCS An Dương, Tây Hồ, Hà Nội	42	90	86	81.5		Không đạt	
434	THCS434	Nguyễn Thị	Nữ	10.12.1972	Trường THCS Linh Nam, quận Hoàng Mai, Hà Nội	55	72.5	82	57	Đạt		
435	THCS435	Kiều Thu	Nữ	30.07.1976	Trường THCS Phùng Hưng, thị xã Sơn Tây, Hà Nội	55	65	88	67.5	Đạt		
436	THCS436	Phạm Văn	Nam	26.09.1959	Trường THCS Tiền Phong, huyện Từ Sơn, Hà Nội	56	Miễn thi	Miễn thi	68	Đạt		
437	THCS437	Phạm Thu	Nữ	09.02.1974	Trường THCS Phan Đình Giót, quận Thanh Xuân, Hà Nội	77	Miễn thi	80	80.5	Đạt		
438	THCS438	Trần Thị	Nữ	09.08.1975	Trường THCS Nam Hồng, huyện Đông Anh, Hà Nội	60	75	80	80.5	Đạt		
439	THCS439	Nguyễn Thị Bích	Nữ	22.02.1969	Trường THCS Tân Triều, huyện Thanh Trì, Hà Nội	59	57.5	94	83	Đạt		
440	THCS440	Nguyễn Thị Kim	Nữ	17.03.1968	Trường THCS Lê Quý Đôn quận Cầu Giấy	65	17.5	Miễn thi	V		Không đạt	
441	THCS441	Đỗ Thị Trinh	Nữ	07.01.1974	Trường THCS Hoàn Kiếm, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	82	72.5	70	84.5	Đạt		
442	THCS442	Nguyễn Văn	Nam	21.10.1980	Trường THCS Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	58	Miễn thi	68	83	Đạt		
443	THCS443	Phạm Thị	Nữ	14.04.1975	Trường THCS Phùng Xá, huyện Mỹ Đức, Hà Nội	58	65	20	71.5		Không đạt	
444	THCS444	Hoàng Thị Xuân	Nữ	28.09.1973	Trường THCS Nghiêm Xuyên, huyện Thường Tín, Hà Nội	66	60	70	60	Đạt		
445	THCS445	Nguyễn Thị	Nữ	23.07.1977	Trường THCS Ngọc Tảo, huyện Phúc Thọ, Hà Nội	V	V	V	V		Không đạt	Bỏ thi
446	THCS446	Đỗ Đức	Nam	17.04.1975	Trường THCS Tích Giang, huyện Phúc Thọ, Hà Nội	71	65	72	70	Đạt		
447	THCS447	Nguyễn Quốc	Nam	14.09.1975	Trường THCS Bột Xuyên, huyện Mỹ Đức, Hà Nội	64	60	90	55	Đạt		
448	THCS448	Phùng Quang	Nam	12.10.1978	Trường THCS Chu Phan, huyện Mê Linh, Hà Nội	59	Miễn thi	80	86	Đạt		
449	THCS449	Nguyễn Quốc	Nam	25.08.1974	Trường THCS Dũng Tiến, huyện Thường Tín, Hà Nội	60	67.5	14	70		Không đạt	
450	THCS450	Hồ Thị Huyền	Nữ	02.07.1986	Trường THCS Nguyễn Văn Huyền, huyện Hoài Đức, Hà Nội	56	70	76	90	Đạt		
451	THCS451	Vương Thị Thu	Nữ	20.10.1982	Trường THCS Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội	60	Miễn thi	Miễn thi	73	Đạt		

STT	Số BD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị công tác	Điểm thi				Kết quả		Ghi chú
						Kiểm thức chung	Thi học	Ngại ngữ	Chuyên môn nghiệp vụ	Đạt	Không đạt	
452	THCS452	Hoàng Thị Bảo	Trang	30.04.1975	Trường THCS Từ Liên, Tây Hồ, Hà Nội	62	60	80	62	Đạt		
453	THCS453	Lương Thị Hương	Trà	26.12.1976	Trường THCS Đại Kim, quận Hoàng Mai, Hà Nội	55	65	72	60	Đạt		
454	THCS454	Nguyễn Thị	Trái	15.01.1974	Trường THCS Tuy Lai, huyện Mỹ Đức, Hà Nội	57	65	80	70	Đạt		
455	THCS455	Nguyễn Phương	Trình	08.03.1968	Trường THCS Quỳnh Mai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	65	50	Miễn thi	V		Không đạt	
456	THCS456	Hoàng Thị Thu	Trình	28.04.1969	Trường THCS Mậu Lương, quận Hà Đông, Hà Nội	41	Miễn thi	76	65		Không đạt	
457	THCS457	Đặng Ngọc	Trình	15.06.1978	Trường THCS Bích Hòa, huyện Thanh Oai, Hà Nội	85	Miễn thi	80	73.5	Đạt		
458	THCS458	Đoàn Tiến	Trung	12.03.1972	Trường THCS Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội	55	70	84	80	Đạt		
459	THCS459	Đào Mỹ	Trung	19.11.1968	Trường THCS Hữu Hòa, huyện Thanh Trì, Hà Nội	55	62.5	Miễn thi	69	Đạt		
460	THCS460	Nguyễn Đức	Trường	21.10.1973	Trường THCS Đa Tốn, huyện Gia Lâm, Hà Nội	77	57.5	80	85	Đạt		
461	THCS461	Nguyễn Đăng	Trường	10.02.1978	Trường THCS Bắc Sơn, huyện Sóc Sơn, Hà Nội	77	85	84	65	Đạt		
462	THCS462	Nguyễn Bá	Tuấn	26.05.1967	Trường THCS Tiên Yên, huyện Hoài Đức, Hà Nội	69	65	80	68.5	Đạt		
463	THCS463	Nguyễn Đức	Tuấn	08.10.1978	Trường THCS Thanh Lâm B, huyện Mê Linh, Hà Nội	55	77.5	72	70	Đạt		
464	THCS464	Ngô Ngọc	Tuấn	24.06.1974	Trường THCS Đông Hội, huyện Đông Anh, Hà Nội	56	70	72	65	Đạt		
465	THCS465	Phạm Anh	Tuấn	21.06.1971	Trường THCS Nam Từ Liêm, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	57	57.5	Miễn thi	80	Đạt		
466	THCS466	Hà Minh	Tuấn	07.03.1970	Trường THCS Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	55	Miễn thi	80	90	Đạt		
467	THCS467	Nguyễn Thị Kim	Tuyển	22.03.1972	Trường THCS Chu Văn An, Tây Hồ, Hà Nội	55	Miễn thi	72	80	Đạt		
468	THCS468	Bùi Quang	Tuyển	05.02.1975	Trường THCS Đền Lũ, quận Hoàng Mai, Hà Nội	55	Miễn thi	80	88	Đạt		
469	THCS469	Lê Ngọc	Tuyệt	22.10.1968	Trường THCS Nguyễn Tri Phương, quận Ba Đình, Hà Nội	69	70	Miễn thi	85	Đạt		
470	THCS470	Hoàng Thị	Tuyệt	26.11.1977	Trường THCS Long Biên, quận Long Biên, Hà Nội	67	82.5	84	85	Đạt		

STT	Số BD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị công tác	Điểm thi				Kết quả		Ghi chú
						Kiến thức chung	Tin học	Ngoại ngữ	Chuyên môn nghiệp vụ	Đạt	Không đạt	
471	THCS471	Trần Thị	Nữ	04.12.1968	Trường THCS Huy Văn, quận Đống Đa, Hà Nội	73	72.5	Miễn thi	65	Đạt		
472	THCS472	Lê Thị	Nữ	05.08.1972	Trường THCS Bột Xuyên, huyện Mỹ Đức, Hà Nội	62	55	80	60	Đạt		
473	THCS473	Nguyễn Thị ánh	Nữ	14.10.1979	Trường THCS Đa Tốn, huyện Gia Lâm, Hà Nội	83	Miễn thi	80	80	Đạt		
474	THCS474	Nguyễn Thị	Nữ	25.09.1968	Giáo viên Trường THCS Nhị Khê, huyện Thường Tín, Hà Nội	74	70	Miễn thi	70	Đạt		
475	THCS475	Đỗ Thị ánh	Nữ	26.12.1968	Trường THCS Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	61	60	Miễn thi	87	Đạt		
476	THCS476	Nguyễn Văn	Nam	18.09.1978	Trường THCS Quang Trung, quận Đống Đa, Hà Nội	70	67.5	82	85	Đạt		
477	THCS477	Phạm Tiến	Nam	13.05.1976	Trường THCS Mỗ Lao, quận Hà Đông, Hà Nội	80	67.5	82	64	Đạt		
478	THCS478	Ngô Thị Minh	Nữ	26.12.1970	Trường THCS Thăng Long, quận Ba Đình, Hà Nội	44	50	V	V		Không đạt	
479	THCS479	Hà Thị Minh	Nữ	05.10.1978	Trường THCS Tích Giang, huyện Phúc Thọ, Hà Nội	55	65	78	75	Đạt		
480	THCS480	Dương Văn	Nam	24.12.1976	Trường THCS Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín, Hà Nội	37	62.5	18	71		Không đạt	
481	THCS481	Nguyễn Thị	Nữ	15.09.1972	Trường THCS Thăng Long, quận Ba Đình, Hà Nội	57	62.5	72	74	Đạt		
482	THCS482	Phạm Thị Hải	Nữ	29.12.1975	Trường THCS Gia Thụy, quận Long Biên, Hà Nội	67	60	82	90	Đạt		
483	THCS483	Phùng Thị	Nữ	08.08.1976	Trường THCS Hòa Phú, huyện ứng Hòa, Hà Nội	80	62.5	74	83	Đạt		
484	THCS484	Đàm Thị	Nữ	24.12.1975	Trường THCS Nguyễn Văn Huyền, huyện Hoài Đức, Hà Nội	57	72.5	82	85.5	Đạt		
485	THCS485	Tào Thị Hồng	Nữ	16.02.1972	Trường THCS Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội	55	Miễn thi	50	71		Không đạt	
486	THCS486	Đặng Thu	Nữ	28.12.1982	Trường THCS Đa Tốn, huyện Gia Lâm, Hà Nội	59	75	72	90	Đạt		
487	THCS487	Bùi Thị Thúy	Nữ	30.08.1974	Trường THCS Nguyễn Du, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	55	Miễn thi	66	69	Đạt		
488	THCS488	Phạm Thị Hồng	Nữ	17.10.1967	Giáo viên Trường THCS Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, Hà Nội	55	72.5	Miễn thi	66	Đạt		
489	THCS489	Nguyễn Thị Thu	Nữ	07.05.1973	Giáo viên Trường THCS Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội	60	62.5	Miễn thi	62	Đạt		

STT	Số BD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị công tác	Điểm thi				Kết quả		Ghi chú
						Kiến thức chung	Tin học	Ngoại ngữ	Chuyên môn nghiệp vụ	Đạt	Không đạt	
490	THCS490	Nguyễn Thị Thanh Vân	Nữ	02.07.1973	Trường THCS Kim Sơn, thị xã Sơn Tây, Hà Nội	60	45	30	70		Không đạt	
491	THCS491	Khuất Thị Hồng Vân	Nữ	19.02.1972	Trường THCS Trung Sơn Trám, thị xã Sơn Tây, Hà Nội							Bỏ thi
492	THCS492	Lương Thị Vân	Nữ	14.08.1977	Trường THCS Vạn Diêm, huyện Thường Tín, Hà Nội	62	Miễn thi	70	71	Đạt		
493	THCS493	Chu Thanh Vân	Nữ	18.07.1980	Trường THCS Chi Đông, huyện Mê Linh, Hà Nội	64	Miễn thi	70	85	Đạt		
494	THCS494	Nguyễn Thị Bích Vân	Nữ	28.08.1970	Trường THCS Nguyễn Huy Tường, huyện Đông Anh, Hà Nội	72	60	72	61	Đạt		
495	THCS495	Dương Trần Việt	Nam	05.11.1968	Trường THCS Văn Phú, huyện Thường Tín, Hà Nội	58	70	56	82.5	Đạt		
496	THCS496	Nguyễn Thuý Vĩnh	Nữ	16.04.1978	Giáo viên Trường THCS Văn Quán, quận Đống Đa, Hà Nội	62	57.5	56	70	Đạt		
497	THCS497	Trịnh Văn Vũ	Nam	12.09.1978	Trường THCS Huy Văn, quận Đống Đa, Hà Nội	63	67.5	74	72	Đạt		
498	THCS498	Nguyễn Thị Xinh	Nữ	05.10.1971	Trường THCS Dương Nội, quận Hà Đông, Hà Nội							Bỏ thi
499	THCS499	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	04.02.1987	Trường THCS Nguyễn Văn Huyền, huyện Hoài Đức, Hà Nội	82	92.5	84	75	Đạt		
500	THCS500	Lê Thanh Xuân	Nữ	30.09.1976	Trường THCS Đa Tốn, huyện Gia Lâm, Hà Nội	80	Miễn thi	40	61		Không đạt	
501	THCS501	Nguyễn Thị Thanh Xuân	Nữ	18.06.1974	Trường THCS Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội	66	57.5	84	73	Đạt		
502	THCS502	Phạm Thị Thanh Xuân	Nữ	18.10.1975	Trường THCS Chu Văn An, huyện Thanh Trì, Hà Nội							Bỏ thi
503	THCS503	Vũ Thị Hải Yến	Nữ	20.09.1974	Trường THCS Ngô Gia Tự, quận Long Biên, Hà Nội	63	Miễn thi	70	77	Đạt		
504	THCS504	Nguyễn Hải Yến	Nữ	28.04.1969	Trường THCS Thịnh Quang, quận Đống Đa, Hà Nội	57	Miễn thi	84	83	Đạt		
505	THCS505	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ	10.09.1971	Trường THCS Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội							Bỏ thi
506	THCS506	Ngô Hải Yến	Nữ	26.08.1967	Trường THCS Tô Hoàng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	61	65	Miễn thi	71	Đạt		
507	THCS507	Đỗ Thị Hải Yến	Nữ	12.02.1976	Trường THCS TT Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, Hà Nội	57	80	14	70		Không đạt	
508	THCS508	Vũ Hải Yến	Nữ	08.10.1970	Trường THCS Chu Văn An, Tây Hồ, Hà Nội	69	60	Miễn thi	60	Đạt		

STT	Số BD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị công tác	Điểm thi				Kết quả		Ghi chú
						Kiểm thức chung	Tin học	Ngoại ngữ	Chuyên môn nghiệp vụ	Đạt	Không đạt	
509	THCS09	Nguyễn Hải Yến	Nữ	12.07.1965	Trường THCS Chương Dương, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	56	42.5	Miễn thi	V		Không đạt	
510	THCS10	Nguyễn Thị Hoàng Yến	Nữ	10.01.1972	Trường THCS Nguyễn Du, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	56	65	86	75	Đạt		
511	THCS11	Bùi Hoàng Yến	Nữ	02.09.1976	Trường THCS Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội	55	47.5	22	82.5		Không đạt	
512	THCS12	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ	10.02.1977	Trường THCS Lê Quý Đôn Hà Đông, Hà Nội	58	70	42	82.5		Không đạt	
513	THCS13	Nguyễn Thị Yến	Nữ	09.11.1972	Trường THCS Xuân Khanh, thị xã Sơn Tây, Hà Nội	59	67.5	56	60	Đạt		
514	THCS14	Vũ Thị Ngọc Yến	Nữ	25.10.1978	Trường THCS Phùng Hưng, thị xã Sơn Tây, Hà Nội	74	Miễn thi	60	77.5	Đạt		
515	THCS15	Hoàng Thị Thu Yến	Nữ	09.09.1972	Trường THCS Thị Trấn, huyện Thường Tín, Hà Nội	57	Miễn thi	88	72.5	Đạt		
516	THCS16	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ	20.01.1974	Trường THCS Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội	59	Miễn thi	84	80	Đạt		
517	THCS17	Quảng Thị Hải Yến	Nữ	24.07.1973	Trường THCS Thanh Xuân, quận Thanh Xuân, Hà Nội	65	47.5	V	V		Không đạt	
518	THCS18	Chữ Thị Hồng Yến	Nữ	16.09.1974	Trường THCS Đồng Hội, huyện Đông Anh, Hà Nội	62	70	84	72.5	Đạt		
519	THCS19	Đỗ Hải Yến	Nữ	17.11.1977	Trường THCS Nguyễn Huy Tưởng, huyện Đông Anh, Hà Nội	55	62.5	88	72.5	Đạt		
520	182	Phạm Minh Nghĩa	Nam	15.11.1978	Trường THCS Lê Quý Đôn, quận Cầu Giấy, Hà Nội	74.0	78.0	85	78	Đạt		Thí tại cụm 2
521	TNE127	Nguyễn Thị Hương		24.5.1976	Trường THCS Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	69	82.5	67.5	Miễn	Đạt		Thí tại cụm 3

Danh sách này có 521 người

Ghi chú: "V" là vắng thi

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2018

KẾT QUẢ THI THẮNG HẠNG CHỨC DANH NGHIỆP GIÁO VIÊN TỬ HẠNG II LÊN HẠNG I NĂM 2018
(Kèm theo Quyết định số 5150/QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Số BD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị công tác	Điểm thi				Kết quả		Ghi chú
						Kiến thức chung	Tin học	Ngoại ngữ	Chuyên môn nghiệp vụ	Đạt	Không đạt	
1	THPT001	Nguyễn Thị Hoài An	Nữ	25.07.1975	Trường THPT Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc	57	65	Miễn thi	80	Đạt		
2	THPT002	Cao Văn Bá	Nam	26.03.1972	Trường THPT Nguyễn Xuân Ôn, tỉnh Nghệ An	60	70	56	75	Đạt		
3	THPT003	Cao Thanh Bảo	Nam	09.11.1971	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng, tỉnh Nghệ An	75	77.5	56	90	Đạt		
4	THPT004	Nguyễn Thị Xuân Băng	Nữ	16.07.1972	Trường THPT Quỳnh Lưu 1, tỉnh Nghệ An	80	77.5	44	85		Không đạt	
5	THPT005	Nguyễn Cao Biền	Nam	09.07.1975	Trường THPT Ngô Quyền, Tỉnh Đồng Nai	88	92.5	64	75	Đạt		
6	THPT006	Nguyễn Thị Hà Cẩm	Nữ	18.09.1968	Trường THPT Phan Châu Trinh, TP Đà Nẵng	60	77.5	Miễn thi	70	Đạt		
7	THPT007	Trần Thị Hải Châu	Nữ	09.10.1970	Trường THPT Liên Hà, TP Hà Nội	50	77.5	64	80		Không đạt	
8	THPT008	Nguyễn Kim Chi	Nữ	29.01.1973	Trường THPT Chu Văn An, TP Hà Nội	86	90	68	80	Đạt		
9	THPT009	Nguyễn Đình Chính	Nam	12.02.1963	Trường THPT Nguyễn Huệ, tỉnh Thừa Thiên Huế	50	92.5	Miễn thi	57.5		Không đạt	
10	THPT010	Nguyễn Duy Chung	Nam	08.06.1975	Trường THPT Mẹ Linh, huyện Mê Linh, TP Hà Nội	V	V	V	V		Không đạt	Bỏ thi
11	THPT011	Vũ Thị Kim Chung	Nữ	21.11.1974	Trường THPT chuyên, tỉnh Hà Giang	75	95	Miễn thi	82.5	Đạt		
12	THPT012	Trần Nghĩa Công	Nam	21.12.1975	Trường THPT Hà Huy Tập, tỉnh Nghệ An	75	92.5	Miễn thi	87.5	Đạt		
13	THPT013	Lê Thị Kim Cúc	Nữ	13.10.1977	Trường THPT Nguyễn Trường Tộ, tỉnh Thừa Thiên Huế	60	Miễn thi	82	72.5	Đạt		
14	THPT014	Nguyễn Đức Cường	Nam	08.10.1972	Trường THPT Lý Thường Kiệt, tỉnh Yên Bái	45	82.5	62	80		Không đạt	2

TT	Số BD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị công tác	Điểm thi				Kết quả		Ghi chú
						Kiểm thức chung	Tin học	Ngoại ngữ	Chuyên môn nghiệp vụ	Đạt	Không đạt	
15	THPT015	Phan Văn Cường	Nam	25.01.1974	Trường THPT Phan Đăng Lưu, tỉnh Nghệ An	50	82.5	62	65		Không đạt	
16	THPT016	Hoàng Mạnh Du	Nam	12.04.1971	Trường THPT Xuân Hòa, tỉnh Vĩnh Phúc	45	87.5	68	95		Không đạt	
17	THPT017	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Nữ	01.03.1968	Trường THPT chuyên Huỳnh Mẫn Đạt, tỉnh Kiên Giang	35	72.5	Miễn thi	80		Không đạt	Bỏ thi
18	THPT018	Nguyễn Ngọc Dũng	Nam	04.11.1963	Trường THPT Nguyễn Đăng Đạo, tỉnh Bắc Ninh	V	V	V	V		Không đạt	
19	THPT019	Nguyễn Hữu Dũng	Nam	23.03.1968	Trường THPT Nguyễn Trãi, tỉnh Quảng Bình	55	65	40	73		Không đạt	
20	THPT020	Lê Văn Dũng	Nam	27.10.1969	Trường THPT Chu Văn An, TP Hà Nội	V	V	V	V		Không đạt	Bỏ thi
21	THPT021	Nguyễn Quốc Dũng	Nam	08.06.1970	Trường THPT Đỗ Lương 4, tỉnh Nghệ An	65	72.5	62	82	Đạt		
22	THPT022	Lê Văn Dy	Nam	28.05.1963	Trường THPT Quảng Xương 1, Tỉnh Thanh Hóa	62	32.5	Miễn thi	V		Không đạt	
23	THPT023	Nguyễn Thị Bích Đào	Nữ	23.12.1977	Trường THPT Đặng Huy Trứ, tỉnh Thừa Thiên Huế	58	62.5	66	72.5	Đạt		
24	THPT024	Nguyễn Xuân Định	Nam	18.09.1976	Trường THPT Quế Võ 3, tỉnh Bắc Ninh	57	75	54	72.5		Không đạt	
25	THPT025	Huỳnh Thực Hà Đoan	Nữ	30.07.1976	Trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn, Tỉnh Ninh Thuận	55	80	88	81.5	Đạt		
26	THPT026	Lưu Thị Khánh Giang	Nữ	19.06.1976	Trường THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp, tỉnh Quảng Bình	65	Miễn thi	68	85	Đạt		
27	THPT027	Nguyễn Trọng Giáp	Nam	02.12.1974	Trường THPT Phan Thúc Trục, tỉnh Nghệ An	40	87.5	Miễn thi	80		Không đạt	
28	THPT028	Tô Thị Thanh Hà	Nữ	01.04.1970	Trường THPT chuyên Hoàng Văn Thụ, tỉnh Hòa Bình	57	90	Miễn thi	81.5	Đạt		
29	THPT029	Vũ Thị Hà	Nữ	01.03.1971	Trường THPT Nguyễn Xuân Ôn, tỉnh Nghệ An	40	62.5	76	64		Không đạt	
30	THPT030	Nguyễn Thị Thanh Hà	Nữ	07.09.1973	Trường THPT Xuân Đình, TP Hà Nội	70	67.5	38	74		Không đạt	
31	THPT031	Trần Hồng Hà	Nam	04.11.1973	Trường THPT Đỗ Lương 2, tỉnh Nghệ An	40	90	Miễn thi	80.5		Không đạt	
32	THPT032	Nguyễn Mạnh Hà.	Nam	12.08.1962	Trường THPT Nguyễn Lương Bằng, tỉnh Yên Bái	60	85	Miễn thi	70	Đạt		
33	THPT033	Nguyễn Thị Hà	Nữ	25.06.1976	Trường THPT Chuyên Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	57	70	64	76	Đạt		
34	THPT034	Nguyễn Thị Anh Hà	Nữ	06.02.1978	Trường THPT Nguyễn Trường Tộ, tỉnh Thừa Thiên Huế	55	90	70	83.5	Đạt		

TT	Số BD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị công tác	Điểm thi				Kết quả		Ghi chú
						Kiểm thử chung	Tin học	Ngoại ngữ	Chuyên môn nghiệp vụ	Đạt	Không đạt	
35	THPT035	Nguyễn Minh Hà	Nữ	02.11.1970	Trường THPT Chu Văn An, TP Hà Nội	55	92.5	68	81.5	Đạt		
36	THPT036	Tạ Hữu Hà	Nam	09.08.1970	Trường THPT Diễn Châu 5, tỉnh Nghệ An	65	47.5	38	63.5		Không đạt	
37	THPT037	Từ Thị Thu Hải	Nữ	30.07.1977	Trường THPT Đào Duy Từ, tỉnh Quảng Bình	65	50	74	77		Không đạt	
38	THPT038	Trần Thị Hằng	Nữ	27.04.1973	Trường THPT Hai Bà Trưng, tỉnh Thừa Thiên Huế	60	72.5	54	70.5		Không đạt	
39	THPT039	Lê Quang Hào	Nam	30.08.1960	Trường THPT chuyên Huỳnh Mẫn Đạt, tỉnh Kiên Giang	80	45	Miễn thi	V		Không đạt	
40	THPT040	Lê Hữu Hào	Nam	28.12.1974	Trường THPT Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	85	95	78	69	Đạt		
41	THPT041	Trịnh Đình Hải	Nam	21.12.1968	Trường THPT Chuyên Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	55	92.5	60	76.5	Đạt		
42	THPT042	Nguyễn Đức Hải	Nam	24.05.1969	Trường THPT Yên Định 1, Tỉnh Thanh Hóa	66	82.5	76	74.5	Đạt		
43	THPT043	Nguyễn Thanh Hải	Nam	23.08.1969	Trường THPT Hiệp Hoà số 2, tỉnh Bắc Giang	60	75	34.8	85		Không đạt	
44	THPT044	Hồ Thanh Hải	Nam	06.06.1960	Trường THPT Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang	67	75	Miễn thi	85.5	Đạt		
45	THPT045	Nguyễn Thị Thanh Hải	Nữ	30.08.1975	Trường THPT Chuyên Tỉnh Tuyên Quang	35	72.5	Miễn thi	83		Không đạt	
46	THPT046	Nguyễn Từ Hải	Nam	08.02.1969	Trường THPT Lạc Thủy B, tỉnh Hòa Bình	51	67.5	32	79.5		Không đạt	
47	THPT047	Trần Thế Hải	Nam	18.05.1968	Trường THPT Đổ Lương 1, tỉnh Nghệ An	60	70	Miễn thi	83.5	Đạt		
48	THPT048	Nguyễn Thị Tuyết Hạnh	Nữ	09.10.1976	Trường THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp, tỉnh Quảng Bình	80	85	80	88.5	Đạt		
49	THPT049	Lê Thị Hồng Hạnh	Nữ	23.10.1973	Trường THPT Phan Huy Chú - Đống Đa, TP Hà Nội	65	67.5	86	80	Đạt		
50	THPT050	Lê Thị Hạnh	Nữ	03.06.1974	Trường THPT Cao Thắng, tỉnh Thừa Thiên Huế	65	Miễn thi	Miễn thi	82	Đạt		
51	THPT051	Phạm Thúy Hằng	Nữ	12.06.1970	Trung tâm GDNN - GDTX huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	60	52.5	Miễn thi	V		Không đạt	
52	THPT052	Nguyễn Thị Thu Hằng	Nữ	10.08.1974	Trường THPT chuyên, tỉnh Hà Giang	70	97.5	Miễn thi	90	Đạt		
53	THPT053	Lục Thúy Hằng	Nữ	25.07.1972	Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc	V	V	V	V		Không đạt	Bỏ thi
54	THPT054	Lê Thị Hiền	Nữ	28.03.1970	Trường THPT chuyên Nguyễn Huệ, TP Hà Nội	65	62.5	Miễn thi	85	Đạt		

TT	Số BD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị công tác	Điểm thi				Kết quả		Ghi chú
						Kiểm thực chung	Tin học	Ngoại ngữ	Chuyên môn nghiệp vụ	Đạt	Không đạt	
55	THPT055	Đỗ Xuân	Nam	18.03.1960	Trường THPT Đường An, tỉnh Hải Dương	75	65	Miễn thi	80	Đạt		
56	THPT056	Nguyễn Thị	Nữ	21.01.1974	Trường THPT DINT số 2, tỉnh Nghệ An	65	60	42	90		Không đạt	
57	THPT057	Lê Thị	Nữ	27.12.1974	Trường THPT Trần Phú, tỉnh Vĩnh Phúc	60	80	82	75	Đạt		
58	THPT058	Lê Văn	Nam	28.08.1978	Trường THPT Yên Định 1, Tỉnh Thanh Hóa	72	82.5	Miễn thi	82.5	Đạt		
59	THPT059	Lê Thanh	Nam	15.10.1976	Trường THCS&THPT Long Phú, tỉnh Vĩnh Long	V	V	V	V		Không đạt	Bỏ thi
60	THPT060	Ngô Trọng	Nam	01.01.1972	Trường THPT Lê Lợi, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	70	42.5	44	85		Không đạt	
61	THPT061	Nguyễn Thủy	Nữ	30.06.1974	Trường THPT Chuyên Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	75	57.5	84	86	Đạt		
62	THPT062	Đặng Thị Kim	Nữ	02.04.1972	Trường THPT Lê Viết Thuật, tỉnh Nghệ An	60	47.5	46	85		Không đạt	
63	THPT063	Nguyễn Thị Kiều	Nữ	25.09.1976	Trường THPT DINT, tỉnh Nghệ An	60	35	Miễn thi	91		Không đạt	
64	THPT064	Nguyễn Kim	Nữ	07.04.1969	Trường THPT Chuyên Tỉnh Tuyên Quang	70	72.5	Miễn thi	79	Đạt		
65	THPT065	Nguyễn Thị Quốc	Nữ	28.10.1973	Trường THPT Chu Văn An, tỉnh Thái Nguyên	60	85	Miễn thi	84	Đạt		
66	THPT066	Phạm Thị	Nữ	22.08.1976	Trường THPT Trần Hưng Đạo, tỉnh Vĩnh Phúc	40	82.5	90	84		Không đạt	
67	THPT067	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	17.10.1972	Khoa LIQL&GDBC, Trường Bồi dưỡng CBGD Hà Nội	55	Miễn thi	Miễn thi	80	Đạt		
68	THPT068	Nguyễn Quang	Nam	22.07.1963	Trường THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành, tỉnh Yên Bái	70	85	Miễn thi	90	Đạt		
69	THPT069	Hoàng Văn	Nam	18.02.1962	Trường THPT Quang Xương 4, Tỉnh Thanh Hóa	83	55	Miễn thi	90	Đạt		
70	THPT070	Trần Thị Thu	Nữ	05.12.1971	Trường THPT Phan Đình Phùng, TP Hà Nội	88	90	Miễn thi	80	Đạt		
71	THPT071	Nguyễn Thị	Nữ	04.11.1967	Trung tâm GDNN - GDTX, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội	81	47.5	Miễn thi	85		Không đạt	
72	THPT072	Vũ Thị Thu	Nữ	13.08.1977	Trường THPT Hoàng Quốc Việt, tỉnh Quảng Ninh	57	75	84	85	Đạt		
73	THPT073	Đỗ Thị Thanh	Nữ	25.10.1973	Trường THPT Trần Phú, tỉnh Vĩnh Phúc	64	Miễn thi	88	75	Đạt		
74	THPT074	Nguyễn Xuân	Nam	11.03.1970	Trường THPT Nguyễn Xuân Ôn, tỉnh Nghệ An	72	55	48	75		Không đạt	2

TT	Số BD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị công tác	Điểm thi				Kết quả		Ghi chú
						Kiến thức chung	Tin học	Ngoại ngữ	Chuyên môn nghiệp vụ	Đạt	Không đạt	
75	THPT075	Dương Mạnh Hùng	Nam	30.08.1967	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh Quảng Trị	56	77.5	Miễn thi	90	Đạt		
76	THPT076	Bùi Khắc Hùng	Nam	10.10.1961	Trường THPT Lê Viết Tào, Tỉnh Thanh Hóa	V	V	V	V		Không đạt	Bỏ thi
77	THPT077	Đào Quang Hùng	Nam	28.09.1962	Trường THCS&THPT Chi Lăng, tỉnh Lâm Đồng	V	V	V	V		Không đạt	Bỏ thi
78	THPT078	Trần Huy Hùng	Nam	15.02.1971	Trường THPT Đô Lương 1, tỉnh Nghệ An	58	87.5	36	70		Không đạt	
79	THPT079	Hoàng Phồn Hùng	Nam	14.05.1971	Trường THPT Đặng Huy Trứ, tỉnh Thừa Thiên Huế	65	67.5	84	60	Đạt		
80	THPT080	Trần Văn Hùng	Nam	08.05.1971	Trường THPT Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	V	V	V	V		Không đạt	Bỏ thi
81	THPT081	Nguyễn Thu Hương	Nữ	27.08.1974	Trường THPT Lê Hồng Phong, tỉnh Thái Nguyên	55	30	Miễn thi	V		Không đạt	
82	THPT082	Ngô Thị Lan Hương	Nữ	19.05.1974	Trường THPT Hùng An, tỉnh Hà Giang	61	75	Miễn thi	85	Đạt		
83	THPT083	Nguyễn Thị Hương	Nữ	12.06.1975	Trường PT Dân tộc nội trú THPT tỉnh Yên Bái	72	67.5	44	65		Không đạt	
84	THPT084	Hoàng Thị Lan Hương	Nữ	15.11.1972	Trường THPT chuyên Nguyễn Huệ, TP Hà Nội	89	Miễn thi	44	70		Không đạt	
85	THPT085	Đào Thị Thanh Hương	Nữ	25.12.1971	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn, TP Đà Nẵng	69	60	84	67.5	Đạt		
86	THPT086	Phạm Thị Thu Khuê	Nữ	18.08.1970	Trường THPT Chuyên tỉnh Lào Cai	84	77.5	Miễn thi	85	Đạt		
87	THPT087	Hoàng Thị Kiên	Nữ	03.04.1973	Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc	V	V	V	V		Không đạt	Bỏ thi
88	THPT088	Nguyễn Thị Hoa Lan	Nữ	30.07.1975	Trường THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành, tỉnh Yên Bái	59	82.5	58	85	Đạt		
89	THPT089	Nguyễn Thị Tuyết Lan	Nữ	12.02.1972	Trường THPT Xuân Đỉnh, TP Hà Nội	55	82.5	84	65	Đạt		
90	THPT090	Lưu Văn Lập	Nam	15.12.1976	Trường THPT Chuyên Vĩ Thanh, tỉnh Hậu Giang	76	90	78	75	Đạt		
91	THPT091	Hoàng Thị Mỹ Lệ	Nữ	18.12.1971	Trường THPT Đặng Huy Trứ, tỉnh Thừa Thiên Huế	79	75	Miễn thi	73	Đạt		
92	THPT092	Hoàng Thị Kim Liên	Nữ	14.09.1974	Trường THPT Nguyễn Duy Trinh, tỉnh Nghệ An	65	60	58	78	Đạt		
93	THPT093	Nguyễn Thị Hồng Liên	Nữ	09.09.1976	Trường THPT Chuyên Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	55	62.5	80	70	Đạt		
94	THPT094	Lê Khả Long	Nam	02.09.1962	Trường THPT Cẩm Bá Thước, Tỉnh Thanh Hóa	55	Miễn thi	Miễn thi	85	Đạt		

TT	Số BD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị công tác	Điểm thi				Kết quả		Ghi chú
						Kiến thức chung	Tin học	Ngoại ngữ	Chuyên môn nghiệp vụ	Đạt	Không đạt	
95	THPT095	Thái Thị Lợi	Nữ	18.01.1975	Trường THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp, tỉnh Quảng Bình	60	72.5	56	86	Đạt		
96	THPT096	Vũ Thị Lợi	Nữ	12.11.1973	Trường THPT Chuyên Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	74	37.5	V	V		Không đạt	
97	THPT097	Trần Thị Lợi	Nữ	28.05.1968	Trường THPT Phan Đăng Lưu, tỉnh Thừa Thiên Huế	64	67.5	Miễn thi	73	Đạt		
98	THPT098	Trần Thị Hoa	Nữ	17.06.1966	Trường THPT Trần Phú - Hoàn Kiếm, TP Hà Nội	55	52.5	Miễn thi	70		Không đạt	
99	THPT099	Hoàng Minh Lương	Nam	05.10.1964	Trường THPT Hà Huy Tập, tỉnh Nghệ An	55	55	40	92		Không đạt	
100	THPT100	Nguyễn Công Lý	Nữ	18.08.1975	Trường THPT Nguyễn Đăng Đạo, tỉnh Bắc Ninh	64	50	82	70		Không đạt	
101	THPT101	Phạm Thị Tuyết Mai	Nữ	15.07.1972	Trường THPT Phan Châu Trinh, TP Đà Nẵng	68	67.5	46	82.5		Không đạt	
102	THPT102	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Nữ	10.09.1975	Trường PTCS Xã Đàn, TP Hà Nội	63	77.5	84	86.5	Đạt		
103	THPT103	Đậu Thị Quỳnh Mai	Nữ	08.11.1975	Trường THPT DTNT số 2, tỉnh Nghệ An	70	62.5	Miễn thi	77.5	Đạt		
104	THPT104	Nguyễn Văn Nam	Nam	29.05.1963	Trường THPT Phan Đăng Lưu, tỉnh Thừa Thiên Huế	V	V	V	V		Không đạt	Ba thi
105	THPT105	Nguyễn Thị Nga	Nữ	26.04.1977	Trường THPT Nguyễn Duy Trinh, tỉnh Nghệ An	55	52.5	76	77.5		Không đạt	
106	THPT106	Nguyễn Thị Thu Nga	Nữ	14.04.1975	Trường THPT Dương Xá, TP Hà Nội	55	60	32	82.5		Không đạt	
107	THPT107	Bùi Thị Nga	Nữ	10.16.1976	Trường THPT Quang Trung, tỉnh Hải Dương	62	65	68	81	Đạt		
108	THPT108	Lê Thị Nga	Nữ	15.01.1971	Trường THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp, tỉnh Quảng Bình	55	67.5	78	80	Đạt		
109	THPT109	Trần Đăng Ngân	Nam	12.06.1960	Trường THPT Lê Việt Thuật, tỉnh Nghệ An	55	67.5	Miễn thi	87.5	Đạt		
110	THPT110	Lê Thị Ngân	Nữ	10.06.1970	Trung tâm GDNN - GDTX huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	67	75	Miễn thi	77.5	Đạt		
111	THPT111	Nguyễn Hữu Nghĩa	Nam	15.04.1972	Trường THPT Đô Lương 1, tỉnh Nghệ An	68	67.5	72	65	Đạt		
112	THPT112	Nguyễn Văn Ngươn	Nam	01.04.1963	Trường THPT Bắc Yên Thành, tỉnh Nghệ An	65	62.5	Miễn thi	75	Đạt		
113	THPT113	Trần Thị Ngọc	Nữ	22.12.1973	Trường THPT chuyên, tỉnh Hà Giang	55	67.5	Miễn thi	70.5	Đạt		
114	THPT114	Nguyễn Thị Nguyệt	Nữ	11.02.1976	Trường THPT Chuyên Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	55	75	84	73	Đạt		

TT	Số BD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị công tác	Điểm thi				Kết quả		Ghi chú
						Kiến thức chung	Tin học	Ngoại ngữ	Chuyên môn nghiệp vụ	Đạt	Không đạt	
115	THPT115	Nguyễn Thị Minh	Nữ	17.10.1965	Trường THPT Trần Nhân Tông, TP Hà Nội	69	60	Miễn thi	73.5	Đạt		
116	THPT116	Hà Xuân	Nam	07.01.1972	Trường THPT Phan Huy Chú - Đống Đa, TP Hà Nội	55	Miễn thi	Miễn thi	76	Đạt		
117	THPT117	Nguyễn Thị	Nữ	30.06.1971	Trường THPT Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	78	52.5	84	82.5		Không đạt	
118	THPT118	Nguyễn Thị	Nữ	10.04.1973	Trường THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành, tỉnh Yên Bái	80	30	V	V		Không đạt	
119	THPT119	Lê Xuân	Nam	15.11.1965	Trường THPT Hoàng Hoa 4, Tỉnh Thanh Hóa	V	V	V	V		Không đạt	Bỏ thi
120	THPT120	Lê Thị	Nữ	22.02.1965	Trường THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam, TP Hà Nội	90	60	Miễn thi	82	Đạt		
121	THPT121	Trần Thị Kim	Nữ	18.03.1973	Trường THPT Hai Bà Trưng, tỉnh Thừa Thiên Huế	57	62.5	70	84	Đạt		
122	THPT122	Cao Xuân	Nam	01.02.1971	Trường THPT Chuyên Biên Hòa, tỉnh Hà Nam	55	77.5	Miễn thi	70	Đạt		
123	THPT123	Phan Xuân	Nam	19.01.1971	Trường THPT Lê Viết Thuật, tỉnh Nghệ An	69	Miễn thi	58	69	Đạt		
124	THPT124	Nguyễn Ngọc	Nam	21.07.1973	Trường THPT Gia Bình số 1, tỉnh Bắc Ninh	V	V	V	V		Không đạt	Bỏ thi
125	THPT125	Nguyễn Thị Hồng	Nữ	27.12.1973	Trường THPT Trần Phú, tỉnh Vĩnh Phúc	55	Miễn thi	66	71.5	Đạt		
126	THPT126	Nguyễn Minh	Nam	08.05.1977	Trường THPT Nguyễn Trãi, tỉnh Quảng Bình	55	72.5	68	76	Đạt		
127	THPT127	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	18.10.1973	Trường THPT Hai Bà Trưng, tỉnh Thừa Thiên Huế	V	V	V	V		Không đạt	Bỏ thi
128	THPT128	Đặng Vũ	Nam	26.11.1972	Trung tâm GDTX Tỉnh Cao Bằng	80	70	Miễn thi	58.5	Đạt		
129	THPT129	Ngô Thị	Nữ	17.08.1973	Trường THPT Gang Thép, tỉnh Thái Nguyên	V	V	V	V		Không đạt	Bỏ thi
130	THPT130	Nguyễn	Nam	08.12.1962	Trường THPT chuyên Huỳnh Mẫn Đạt, tỉnh Kiên Giang	57	80	Miễn thi	81.5	Đạt		
131	THPT131	Nguyễn Bội	Nữ	02.12.1969	Trường THPT Việt Đức, TP Hà Nội	70	77.5	Miễn thi	90	Đạt		
132	THPT132	Vô Văn	Nam	29.08.1976	Trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn, Tỉnh Ninh Thuận	65	77.5	88	72.5	Đạt		
133	THPT133	Nguyễn Đình	Nam	04.04.1975	Trường THPT Đặng Huy Trứ, tỉnh Thừa Thiên Huế	56	Miễn thi	Miễn thi	86	Đạt		
134	THPT134	Trần Thị Kim	Nam	03.11.1973	Trường THPT Bắc Thăng Long, TP Hà Nội	87	52.5	70	87.5		Không đạt	

TT	Số BD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị công tác	Điểm thi				Kết quả		Ghi chú
						Kiến thức chung	Tin học	Ngoại ngữ	Chuyên môn nghiệp vụ	Đạt	Không đạt	
135	THPT135	Nguyễn Hồng Sơn	Nam	03.01.1968	Trường THPT Minh Phú, TP Hà Nội	V	V	V	V		Không đạt	Bỏ thi
136	THPT136	Phan Đăng Sơn	Nam	27.11.1971	Trường THPT Thái Lão, tỉnh Nghệ An	76	82.5	36	86		Không đạt	
137	THPT137	Lâm Mậu Tài	Nam	04.10.1974	Trường THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp, tỉnh Quảng Bình	56	77.5	52.8	79.5		Không đạt	
138	THPT138	Phạm Hồng Tâm	Nam	07.06.1974	Trường THPT Nguyễn Xuân Ôn, tỉnh Nghệ An	55	85	70	84.5	Đạt		
139	THPT139	Nguyễn Hữu Tân	Nam	22.12.1971	Trường THPT Tân Yên số 2, Tỉnh Bắc Giang	58	72.5	86	91.5	Đạt		
140	THPT140	Lê Văn Thành	Nam	12.07.1969	Trường THPT Đặng Thai Mai, tỉnh Nghệ An	55	62.5	40	88.5		Không đạt	
141	THPT141	Bùi Kim Thái	Nữ	23.01.1974	Trường THPT Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	83	82.5	36	91		Không đạt	
142	THPT142	Lê Văn Thái	Nam	12.04.1964	Trường THPT Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	55	52.5	Miễn thi	90.5		Không đạt	
143	THPT143	Nguyễn Đức Thắng	Nam	24.04.1963	Trường THPT Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	60	65	Miễn thi	94	Đạt		
144	THPT144	Đào Ngọc Thắng	Nam	19.05.1959	Trường THPT Nguyễn Huệ, tỉnh Yên Bái	V	V	V	V		Không đạt	Bỏ thi
145	THPT145	Lê Viết Thế	Nam	10.01.1969	Trường THPT Lê Viết Tạo, Tỉnh Thanh Hóa	84	52.5	V	V		Không đạt	
146	THPT146	Trần Văn Thi	Nam	29.05.1974	Trường THPT Lục Ngạn số 3, tỉnh Bắc Giang	86	65	70	95	Đạt		
147	THPT147	Nguyễn Hồng Thu	Nữ	19.08.1976	Trường THPT Lê Quý Đôn - Hà Đông, TP Hà Nội	79	87.5	Miễn thi	85	Đạt		
148	THPT148	Cao Thị Kim Thu	Nữ	06.09.1972	Trường THPT Phú Xuyên A, TP Hà Nội	77	Miễn thi	52	80		Không đạt	
149	THPT149	Phạm Ngọc Thuận	Nam	01.05.1970	Trường Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Hậu Giang	57	72.5	24	80		Không đạt	
150	THPT150	Trương Thuận	Nam	04.08.1964	Trường THPT GDTC Tỉnh Ninh Thuận	60	45	86	75		Không đạt	
151	THPT151	Nguyễn Đình Kim Thuyền	Nữ	11.02.1972	Trường THPT Hải Bà Trưng, tỉnh Thừa Thiên Huế	V	V	V	V		Không đạt	Bỏ thi
152	THPT152	Trịnh Thị Diệu Thủy	Nữ	06.04.1971	Trường THPT Nam Đàn I, tỉnh Nghệ An	60	67.5	68	80	Đạt		
153	THPT153	Trần Thị Thủy	Nữ	01.01.1977	Trường THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp, tỉnh Quảng Bình	60	70	84	85	Đạt		
154	THPT154	Vương Thị Thu Thủy	Nữ	29.10.1967	Trường THPT Yên Viên, TP Hà Nội	70	75	Miễn thi	83	Đạt		

TT	Số BD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị công tác	Điểm thi				Kết quả		Ghi chú
						Kiến thức chung	Tin học	Ngoại ngữ	Chuyên môn nghiệp vụ	Đạt	Không đạt	
155	THPT155	Trần Thị Bích	Thùy	21.08.1974	Trường THPT Hai Bà Trưng, tỉnh Thừa Thiên Huế	50	70	72	60		Không đạt	
156	THPT156	Nguyễn Bá	Thùy	19.09.1976	Trường THPT Bắc Yên Thành, tỉnh Nghệ An	80	Miễn thi	90	82.5	Đạt		
157	THPT157	Bùi Thị Thu	Thùy	18.11.1974	Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc	70	60	Miễn thi	90	Đạt		
158	THPT158	Vũ Thị Thu	Thùy	08.12.1975	Trường THPT Nguyễn Gia Thiều, TP Hà Nội	65	62	74	72.5	Đạt		
159	THPT159	Đinh Hồng	Tiếp	01.11.1973	Trường THPT Kiến An, TP Hải Phòng	60	Miễn thi	Miễn thi	85	Đạt		
160	THPT160	Đặng Thị Đào	Tĩnh	29.05.1972	Trường THPT Lê Viết Thuật, tỉnh Nghệ An	70	57	46	82.5		Không đạt	
161	THPT161	Đặng Ngọc	Trình	11.08.1977	Trường THPT Phan Văn Hoa, tỉnh Vĩnh Long	65	70	66	82.5	Đạt		
162	THPT162	Võ Công	Trí	04.05.1960	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn, tỉnh Bình Định	48	70	Miễn thi	87.5		Không đạt	
163	THPT163	Đỗ Đức	Trí	19.08.1966	Trung tâm GDNN-GDTX Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	55	67.5	Miễn thi	60	Đạt		
164	THPT164	Trịnh Xuân	Trường	23.10.1963	Trường THPT Nam Sách, tỉnh Hải Dương	80	45	Miễn thi	V		Không đạt	
165	THPT165	Cao Thanh	Tuấn	09.03.1969	Trường THPT Quỳnh Lưu 4, tỉnh Nghệ An	75	60	34	85		Không đạt	
166	THPT166	Lưu Vĩnh	Tuấn	06.11.1977	Trường THCS&THPT Thống Nhất, Tỉnh Thanh Hóa	65	80	60	94	Đạt		
167	THPT167	Vũ Ngọc	Tuấn	02.08.1962	Trường THPT Quỳnh Lưu 2, tỉnh Nghệ An	65	70	Miễn thi	88	Đạt		
168	THPT168	Đặng Đức	Tuệ	01.05.1974	Trường THPT Nguyễn Huệ, tỉnh Thừa Thiên Huế	60	70	Miễn thi	94	Đạt		
169	THPT169	Nguyễn Xuân	Tuyên	06.08.1963	Trường THPT Hồng Quang, tỉnh Yên Bái	65	75	Miễn thi	87	Đạt		
170	THPT170	Trịnh Ngọc	Tùng	05.01.1971	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi, tỉnh Hải Dương	65	60	Miễn thi	92	Đạt		
171	THPT171	Thái Hữu	Văn	30.08.1972	Trường THPT Nguyễn Trãi, tỉnh Đắk Lắk	65	62.5	Miễn thi	90	Đạt		
172	THPT172	Trần Thị	Văn	04.01.1977	Trường THPT Nguyễn Huệ, tỉnh Thừa Thiên Huế	55	Miễn thi	60	92	Đạt		
173	THPT173	Trần Hoàng	Xuân	10.11.1976	Trường THPT Chuyên Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	65	55	76	91	Đạt		
174	THPT174	Huỳnh Nam	Yên	10.08.1962	Trường THPT Phan Đăng Lưu, tỉnh Nghệ An	45	92.5	Miễn thi	92		Không đạt	2

TT	Số BD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Đơn vị công tác	Điểm thi				Kết quả		Ghi chú
							Kiến thức chung	Tin học	Ngoại ngữ	Chuyên môn nghiệp vụ	Đạt	Không đạt	
175	THPT175	Trần Thị Hải	Yến	Nữ	16.03.1970	Trường THPT Trần Phú - Hoàn Kiếm, TP Hà Nội	85	70	Miễn thi	95	Đạt		
176	THPT176	Đinh Phan Thủy	Yến	Nữ	17.04.1978	Trường THCS&THPT Trung Hoà, tỉnh Quảng Bình	55	62.5	60	87	Đạt		

Danh sách này có 176 người

Ghi chú: "v" là vắng thi

2